

**CÔNG TY CỔ PHẦN
DAP SỐ 2 - VINACHEM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1744/DAP2-CD

Lào Cai, ngày 08 tháng 9 năm 2022

THÔNG BÁO MỜI THẦU

Kính gửi:

Công ty cổ phần DAP số 2 - Vinachem chuẩn bị tổ chức đấu thầu rộng rãi trong nước một giai đoạn một túi hồ sơ Gói thầu: Sửa chữa cầu trục gàu ngoạm 21HT101A.

Nhà thầu sẽ được nhận miễn phí một bộ hồ sơ mời thầu tại Văn phòng Trụ sở chính Công ty cổ phần DAP số 2 - VINACHEM, Khu công nghiệp Tầng Loóng, thị trấn Tầng Loóng, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai; Điện thoại: 0214.3.767.048 - Fax: 02143.767.047

Thời gian phát hành hồ sơ mời thầu từ 08 giờ đến 16 giờ, từ ngày 08 tháng 9 năm 2022 (trong giờ làm việc hành chính) đến thời điểm đóng thầu.

Hồ sơ dự thầu phải kèm theo bảo đảm dự thầu là: 8.000.000 đồng (Bằng chữ: Tám triệu đồng chẵn); bằng thư bảo đảm của ngân hàng hoặc tiền mặt, và phải được gửi đến Công ty Cổ phần DAP số 2 - Vinachem chậm nhất trước thời điểm đóng/ mở thầu.

Hồ sơ dự thầu sẽ được mở công khai vào 9 giờ (giờ Việt Nam), ngày 22 tháng 9 năm 2022 tại Văn Phòng trụ sở Công ty Cổ phần DAP số 2 - Vinachem.

Kính mời đại diện nhà thầu tới tham dự lễ mở thầu với thời gian và địa điểm nêu trên..!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VP, CD.



Vũ Việt Tiến

CÔNG TY CỔ PHẦN
DAP SỐ 2 – VINACHEM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỒ SƠ MỜI THẦU

GÓI THẦU: SỬA CHỮA CẦU TRỤC GÀU NGOẠM 21HT101A

ĐỊA ĐIỂM: KHU CÔNG NGHIỆP TẦNG LOỔNG, THỊ TRẤN TẦNG
LOỔNG, HUYỆN BẢO THẮNG, TỈNH LÀO CAI

(Ban hành theo Quyết định số: 443/QĐ-DAP2 ngày 08 tháng 9 năm 2022 của
Công ty cổ phần DAP số 2 – Vinachem)

CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY CỔ PHẦN DAP SỐ 2 – VINACHEM

Lào Cai, ngày 08 tháng 9 năm 2022

ĐẠI DIỆN BÊN MỜI THẦU



TỔNG GIÁM ĐỐC
Vũ Việt Tiến



MỤC LỤC

Mô tả tóm tắt	
Từ ngữ viết tắt.....	
Phần 1. THỦ TỤC ĐẤU THẦU.....	
Chương I. Chi dẫn nhà thầu	
Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu	
Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu.....	
Chương IV. Biểu mẫu dự thầu.....	
Phần 2. YÊU CẦU VỀ PHẠM VI CÔNG VIỆC.....	
Chương V. Yêu cầu về phạm vi công việc.....	
Phần 3. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG.....	
Chương VI. Điều kiện chung của hợp đồng.....	
Chương VII. Điều kiện cụ thể của hợp đồng.....	
Chương VIII. Biểu mẫu hợp đồng.....	
Phần 4. PHỤ LỤC	

MÔ TẢ TÓM TẮT

Phần 1. THỦ TỤC ĐẤU THẦU

Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu

Cung cấp thông tin nhằm giúp nhà thầu chuẩn bị hồ sơ dự thầu, bao gồm các quy định về việc chuẩn bị, nộp hồ sơ dự thầu, mở thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu và trao hợp đồng. Chỉ được sử dụng mà không được sửa đổi các quy định tại Chương này.

Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu

Quy định cụ thể các nội dung của Chương I

Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu

Quy định các tiêu chí để đánh giá hồ sơ dự thầu

Chương IV. Biểu mẫu dự thầu

Bao gồm các biểu mẫu để nhà thầu hoàn chỉnh thành Hồ sơ dự thầu.

Phần 2. YÊU CẦU VỀ PHẠM VI CÔNG VIỆC

Chương V. Yêu cầu về phạm vi công việc

Thông tin về thông số kỹ thuật, thông tin bổ sung mô tả công trình đang được đấu thầu, các yêu cầu về nhân sự và thiết bị để thực hiện gói thầu.

Phần 3. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Chương VI. Điều kiện chung của hợp đồng

Gồm các điều khoản chung thực hiện Hợp đồng

Chương VII. Điều kiện cụ thể của hợp đồng

Gồm dữ liệu hợp đồng và Điều kiện cụ thể các điều khoản Hợp đồng.

Chương VIII. Biểu mẫu hợp đồng

Các biểu mẫu mà sau khi được hoàn chỉnh sẽ trở thành một bộ phận cấu thành của hợp đồng. Các mẫu bảo lãnh thực hiện hợp đồng (Thư bảo lãnh).

Phần 4. PHỤ LỤC

Bảng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật.

TỪ NGỮ VIẾT TẮT

CDNT	Chỉ dẫn nhà thầu
BDL	Bảng dữ liệu đấu thầu
HSMT	Hồ sơ mời thầu
HSĐT	Hồ sơ dự thầu
ĐKC	Điều kiện chung của hợp đồng
ĐKCT	Điều kiện cụ thể của hợp đồng
VND	đồng Việt Nam

Phần 1. THỦ TỤC ĐẤU THẦU
Chương I. CHỈ DẪN NHÀ THẦU

1. Phạm vi gói thầu	1.1. Bên mời thầu quy định tại BDL phát hành bộ HSMT này để lựa chọn nhà thầu thực hiện gói thầu được mô tả trong Phần 2 - Yêu cầu về thi công, sửa chữa. 1.2. Tên gói thầu: Sửa chữa cầu trục gầu ngoạm 21HT101A
2. Nguồn vốn	Nguồn vốn: Vay + Tự có
3. Hành vi bị cấm	Hành vi bị cấm trong đấu thầu là hành vi quy định tại Điều 89 Luật đấu thầu.
4. Tư cách hợp lệ của nhà thầu	4.1. Đáp ứng điều kiện về cấp doanh nghiệp theo quy định tại BDL ; có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền của nước mà nhà thầu đang hoạt động cấp. 4.2. Hạch toán tài chính độc lập. 4.3. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật. 4.4. Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định tại BDL . 4.5. Không đang trong thời gian bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu.
5. Tính hợp lệ của vật tư, thiết bị	5.1. Các vật tư, thiết bị phục vụ sửa chữa phải có thông số kỹ thuật, xuất xứ, nhãn mác rõ ràng
6. Nội dung của HSMT	<p>Phần 1. Thủ tục đấu thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu; - Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu; - Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá HSDT; - Chương IV. Biểu mẫu dự thầu; <p>Phần 2. Yêu cầu về thi công, sửa chữa:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chương V. Yêu cầu về thi công, sửa chữa. <p>Phần 3. Điều kiện hợp đồng và Biểu mẫu hợp đồng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chương VI. Điều kiện chung của hợp đồng; - Chương VII. Điều kiện cụ thể của hợp đồng; - Chương VIII. Biểu mẫu hợp đồng. <p>Phần 4. Phụ lục</p>
7. Làm rõ HSMT, khảo sát hiện trường	7.1. Trường hợp cần làm rõ HSMT, nhà thầu phải gửi văn bản đề nghị làm rõ đến Bên mời thầu trước thời điểm đóng mở thầu 5 ngày. Trường hợp việc làm rõ dẫn đến phải sửa đổi HSMT thì Bên mời thầu phải tiến hành sửa đổi HSMT theo thủ tục quy định tại Mục 8 và Mục 22.2 CDNT. 7.2. Nhà thầu đi khảo sát hiện trường, phải gửi Văn bản thông báo đến Bên mời thầu trước 2 ngày. 7.3. Bên mời thầu tạo điều kiện nhà thầu ra vào cổng để khảo sát.
8. Sửa đổi HSMT	8.1. Việc sửa đổi HSMT được thực hiện trước thời điểm đóng thầu thông qua việc phát hành văn bản sửa đổi HSMT. 8.2. Văn bản sửa đổi HSMT được coi là một phần của HSMT và phải được thông báo bằng văn bản đến tất cả các nhà thầu đã nhận HSMT từ Bên mời thầu. 8.3. Thời gian gửi văn bản sửa đổi HSMT đến các nhà thầu đã nhận HSMT từ Bên mời thầu theo thời gian quy định tại BDL bằng: gửi trực tiếp, theo

	đường bưu điện, fax hoặc e-mail.
9. Chi phí dự thầu	Nhà thầu phải chịu mọi chi phí liên quan đến việc chuẩn bị và nộp HSDT. Trong mọi trường hợp, Bên mời thầu sẽ không phải chịu trách nhiệm về các chi phí liên quan đến việc tham dự thầu của nhà thầu.
10. Ngôn ngữ của HSDT	Quy định viết bằng tiếng Việt (các tài liệu kỹ thuật được viết bằng các ngôn ngữ khác phải được dịch sang tiếng Việt hoặc tiếng Anh).
11. Thành phần của HSDT	HSDT phải bao gồm các thành phần sau đây: 11.1. Đơn dự thầu theo mẫu số 01 (a); 11.2. Bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 19 CDNT; 11.3. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của nhà thầu theo quy định tại Mục 4 CDNT; 11.4. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của người ký đơn dự thầu theo quy định tại Mục 20.3 CDNT; 11.5. Tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu theo quy định tại Mục 17 CDNT; 11.6. Đề xuất kỹ thuật theo quy định tại Mục 16 CDNT; 11.7. Đề xuất về giá và các bảng biểu được ghi đầy đủ thông tin theo quy định tại Mục 12 và Mục 14 CDNT; 11.8. Đề xuất phương án kỹ thuật thay thế trong HSDT theo quy định tại Mục 13 CDNT;
12. Đơn dự thầu và các bảng biểu	Nhà thầu phải lập đơn dự thầu và các bảng biểu tương ứng theo mẫu quy định tại Chương IV - Biểu mẫu dự thầu.
13. Đề xuất phương án kỹ thuật thay thế trong HSDT	13.1. Trường hợp HSMT quy định về việc nhà thầu có thể đề xuất phương án kỹ thuật thay thế thì phương án kỹ thuật thay thế đó để được xem xét. 13.2. Phương án kỹ thuật thay thế chỉ được xem xét khi phương án chính được đánh giá là đáp ứng yêu cầu và nhà thầu được xếp hạng thứ nhất. Trong trường hợp này, nhà thầu phải cung cấp tất cả các thông tin cần thiết để Bên mời thầu có thể đánh giá phương án kỹ thuật thay thế, bao gồm: thuyết minh, thông số kỹ thuật, biện pháp tổ chức thi công, tiến độ thi công và các thông tin liên quan khác. Việc đánh giá phương án kỹ thuật thay thế trong HSDT thực hiện theo quy định tại Mục 5 Chương III – Tiêu chuẩn đánh giá HSDT.
14. Giá dự thầu	14.1. Giá dự thầu là giá do nhà thầu ghi trong đơn dự thầu và trong biểu giá bao gồm toàn bộ các chi phí (chưa tính giảm giá) để thực hiện gói thầu theo yêu cầu tại Phần 2 – Yêu cầu về phạm vi công việc. 14.2. Nhà thầu phải nộp HSDT cho toàn bộ công việc được mô tả trong Mục 1.1 CDNT và ghi đơn giá dự thầu, thành tiền cho tất cả các công việc nêu trong cột “Mô tả công việc mời thầu” tại Bảng tổng hợp giá dự thầu theo quy định tại Mẫu số 04 Chương IV - Biểu mẫu dự thầu. Trường hợp tại cột “đơn giá dự thầu” và cột “thành tiền” nhà thầu không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của công việc này vào các công việc khác thuộc gói thầu, nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện hoàn thành các công việc này theo đúng yêu cầu nêu trong HSMT và không được Chủ đầu tư thanh toán trong quá trình thực hiện hợp đồng. 14.3. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về giá dự thầu để thực hiện hoàn thành các công việc theo đúng yêu cầu nêu trong HSMT, trường hợp nhà thầu có đơn giá bất thường, Bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu làm rõ về cơ cấu đơn giá đó của nhà thầu theo quy định tại Mục 27 CDNT. Giá dự thầu của nhà thầu phải bao gồm toàn bộ các khoản thuế, phí, lệ phí (nếu có) áp theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày

	có thời điểm đóng thầu theo quy định. Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá dự thầu không bao gồm thuế, phí, lệ phí thì HSDT của nhà thầu sẽ bị loại.
15. Đồng tiền dự thầu và đồng tiền thanh toán	Đồng tiền dự thầu và đồng tiền thanh toán là VND.
16. Thành phần đề xuất kỹ thuật	Nhà thầu phải nộp một Đề xuất kỹ thuật gồm mô tả cụ thể phương pháp thực hiện công việc, thiết bị, nhân sự, lịch biểu thực hiện và bất kỳ thông tin nào khác theo quy định tại Chương IV - Biểu mẫu dự thầu và phải mô tả đủ chi tiết để chứng minh tính phù hợp của đề xuất đối với các yêu cầu công việc và thời hạn cần hoàn thành công việc.
17. Tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu	Nhà thầu phải ghi các thông tin cần thiết vào các mẫu trong Chương IV - Biểu mẫu dự thầu để chứng minh năng lực và kinh nghiệm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Chương III – Tiêu chuẩn đánh giá HSDT. Nhà thầu phải chuẩn bị sẵn sàng các tài liệu gốc để phục vụ việc xác minh khi có yêu cầu của Bên mời thầu.
18. Thời gian có hiệu lực của HSDT	<p>18.1. HSDT phải có hiệu lực không ngắn hơn thời hạn quy định tại BDL. HSDT nào có thời hạn hiệu lực ngắn hơn quy định sẽ không được tiếp tục xem xét, đánh giá.</p> <p>18.2. Trong trường hợp cần thiết, trước khi hết thời hạn hiệu lực của HSDT, Bên mời thầu có thể đề nghị các nhà thầu gia hạn hiệu lực của HSDT, đồng thời yêu cầu nhà thầu gia hạn tương ứng thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu (bằng thời gian có hiệu lực của HSDT sau khi gia hạn cộng thêm 30 ngày). Nếu nhà thầu không chấp nhận việc gia hạn hiệu lực của HSDT thì HSDT của nhà thầu không được xem xét tiếp và nhà thầu sẽ được nhận lại bảo đảm dự thầu. Nhà thầu chấp nhận đề nghị gia hạn không được phép thay đổi bất kỳ nội dung nào của HSDT. Việc đề nghị gia hạn và chấp thuận hoặc không chấp thuận gia hạn phải được thể hiện bằng văn bản.</p>
19. Bảo đảm dự thầu	<p>19.1. Khi tham dự thầu, nhà thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu trước thời điểm đóng thầu theo hình thức: thư bảo lãnh do ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành hoặc đặt cọc (đối với trường hợp đặt cọc) như quy định tại Mục 19.2 CDNT. Trường hợp sử dụng thư bảo lãnh thì phải lập theo Mẫu số 03 Chương IV- Biểu mẫu dự thầu hoặc theo một hình thức khác tương tự nhưng phải bao gồm đầy đủ các nội dung cơ bản của bảo lãnh dự thầu. Trường hợp HSDT được gia hạn hiệu lực theo quy định tại Mục 18.2 CDNT thì hiệu lực của bảo đảm dự thầu cũng phải được gia hạn tương ứng.</p> <p>19.2. Giá trị, đồng tiền và thời gian hiệu lực của bảo đảm dự thầu theo quy định tại BDL.</p> <p>19.3. Bảo đảm dự thầu được coi là không hợp lệ khi thuộc một trong các trường hợp sau đây: Có giá trị thấp hơn, thời gian hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định Mục 19.2 CDNT, không đúng tên Bên mời thầu (đơn vị thụ hưởng), không phải là bản gốc và không có chữ ký hợp lệ hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Bên mời thầu.</p> <p>19.4. Nhà thầu không được lựa chọn sẽ được hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu trong thời hạn tối đa theo quy định tại BDL, kể từ ngày thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu. Đối với nhà thầu được lựa chọn, bảo đảm dự thầu được hoàn trả hoặc giải tỏa sau khi nhà thầu thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng.</p> <p>19.5. Bảo đảm dự thầu không được hoàn trả trong các trường hợp sau đây: a) Nhà thầu rút HSDT sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực</p>

	<p>của HSDT;</p> <p>b) Nhà thầu vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu theo quy định tại điểm d Mục 36.1 CDNT;</p> <p>c) Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Mục 40 CDNT;</p> <p>d) Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành thương thảo hợp đồng trong thời hạn 5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo mời đến thương thảo hợp đồng của Bên mời thầu, trừ trường hợp bất khả kháng;</p> <p>đ) Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng trong thời gian quy định tại Thông báo chấp thuận HSDT và trao hợp đồng của Bên mời thầu, trừ trường hợp bất khả kháng.</p>
<p>20. Quy cách HSDT và chữ ký trong HSDT</p>	<p>20.1. Nhà thầu phải chuẩn bị HSDT bao gồm: 1 bản gốc HSDT theo quy định tại Mục 11 CDNT và một số bản chụp HSDT theo số lượng quy định tại BDL. Trên trang bìa của các hồ sơ phải ghi rõ “BẢN GỐC HSDT”, “BẢN CHỤP HSDT”.</p> <p>Trường hợp có sửa đổi, thay thế HSDT thì nhà thầu phải chuẩn bị 1 bản gốc và một số bản chụp hồ sơ theo số lượng quy định tại BDL. Trên trang bìa của các hồ sơ phải ghi rõ “BẢN GỐC HSDT SỬA ĐỔI”, “BẢN CHỤP HSDT SỬA ĐỔI”, “BẢN GỐC HSDT THAY THẾ”, “BẢN CHỤP HSDT THAY THẾ”.</p> <p>Trường hợp có phương án kỹ thuật thay thế trong HSDT theo quy định tại Mục 13 CDNT thì nhà thầu phải chuẩn bị 1 bản gốc và một số bản chụp hồ sơ theo số lượng quy định tại BDL. Trên trang bìa của các hồ sơ phải ghi rõ “BẢN GỐC ĐỀ XUẤT PHƯƠNG ÁN KỸ THUẬT THAY THẾ”, “BẢN CHỤP ĐỀ XUẤT PHƯƠNG ÁN KỸ THUẬT THAY THẾ”.</p> <p>20.2. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về tính thống nhất giữa bản gốc và bản chụp. Trường hợp có sự khác biệt giữa bản gốc và bản chụp thì xử lý theo quy định tại BDL.</p> <p>20.3. Bản gốc của HSDT phải được đánh máy hoặc viết bằng mực không phai, đánh số trang theo thứ tự liên tục. Đơn dự thầu, thư giảm giá (nếu có), các văn bản bổ sung, làm rõ HSDT, bảng giá và các biểu mẫu khác tại Chương IV – Biểu mẫu dự thầu phải được đại diện hợp pháp của nhà thầu hoặc người được ủy quyền hợp pháp ký tên và đóng dấu (nếu có), trường hợp ủy quyền phải có giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương IV - Biểu mẫu dự thầu hoặc bản chụp Điều lệ công ty, Quyết định thành lập chi nhánh được chứng thực hoặc các tài liệu khác chứng minh thẩm quyền của người được ủy quyền và được nộp cùng với HSDT.</p>
<p>21. Niêm phong và ghi bên ngoài HSDT</p>	<p>21.1. Túi đựng HSDT bao gồm bản gốc và các bản chụp HSDT, bên ngoài phải ghi rõ "HỒ SƠ DỰ THẦU".</p> <p>Các túi đựng: HSDT; HSDT sửa đổi, HSDT thay thế (nếu có); đề xuất phương án kỹ thuật thay thế (nếu có) phải được niêm phong. Cách niêm phong theo quy định riêng của nhà thầu.</p> <p>21.2. Trên các túi đựng hồ sơ phải:</p> <p>a) Ghi tên và địa chỉ của nhà thầu;</p> <p>b) Ghi tên người nhận là tên Bên mời thầu theo quy định tại Mục 22.1 CDNT;</p> <p>c) Ghi tên gói thầu theo quy định tại Mục 1.2 CDNT;</p> <p>d) Ghi dòng chữ cảnh báo “không được mở trước thời điểm mở thầu”.</p> <p>21.3. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về hậu quả hoặc sự bất lợi nếu không tuân theo quy định của HSMT này như không niêm phong hoặc làm mất niêm phong HSDT trong quá trình chuyển đến Bên mời thầu, không ghi đúng các thông tin trên túi đựng HSDT theo hướng dẫn quy định tại các Mục</p>

	<p>21.1 và 21.2 CDNT. Bên mời thầu sẽ không chịu trách nhiệm về tính bảo mật thông tin của HSDT nếu nhà thầu không thực hiện đúng quy định nêu trên.</p>
<p>22. Thời điểm đóng thầu</p>	<p>22.1. Nhà thầu nộp trực tiếp hoặc gửi HSDT đến địa chỉ của Bên mời thầu nhưng phải bảo đảm Bên mời thầu nhận được trước thời điểm đóng thầu theo quy định tại BDL. Bên mời thầu tiếp nhận HSDT của tất cả các nhà thầu nộp HSDT trước thời điểm đóng thầu, kể cả trường hợp nhà thầu tham dự thầu chưa nhận HSMT từ Bên mời thầu.</p> <p>22.2. Bên mời thầu có thể gia hạn thời điểm đóng thầu bằng cách sửa đổi HSMT theo Mục 8 CDNT. Khi gia hạn thời điểm đóng thầu, mọi trách nhiệm của Bên mời thầu và nhà thầu theo thời điểm đóng thầu trước đó sẽ được thay đổi theo thời điểm đóng thầu mới được gia hạn.</p>
<p>23. HSDT nộp muộn</p>	<p>Bên mời thầu sẽ không xem xét bất kỳ HSDT nào được nộp sau thời điểm đóng thầu. Bất kỳ HSDT nào mà Bên mời thầu nhận được sau thời điểm đóng thầu sẽ bị tuyên bố là HSDT nộp muộn, bị loại và được trả lại nguyên trạng cho nhà thầu.</p>
<p>24. Rút, thay thế và sửa đổi HSDT</p>	<p>24.1. Sau khi nộp HSDT, nhà thầu có thể sửa đổi, thay thế hoặc rút HSDT bằng cách gửi văn bản thông báo có chữ ký của người đại diện hợp pháp của nhà thầu, trường hợp ủy quyền thì phải gửi kèm giấy ủy quyền theo quy định tại Mục 20.3 CDNT. Hồ sơ sửa đổi hoặc thay thế HSDT phải được gửi kèm với văn bản thông báo việc sửa đổi, thay thế tương ứng và phải bảo đảm các điều kiện sau:</p> <p>a) Được nhà thầu chuẩn bị và nộp cho Bên mời thầu theo quy định tại Mục 20 và Mục 21 CDNT, trên túi đựng văn bản thông báo phải ghi rõ “SỬA ĐỔI HSDT” hoặc “THAY THẾ HSDT” hoặc “RÚT HSDT”;</p> <p>b) Được Bên mời thầu tiếp nhận trước thời điểm đóng thầu theo quy định tại Mục 22 CDNT.</p> <p>24.2. HSDT mà nhà thầu yêu cầu rút lại theo Mục 24.1 CDNT sẽ được trả lại nguyên trạng cho nhà thầu.</p> <p>24.3. Nhà thầu không được sửa đổi, thay thế hoặc rút HSDT sau thời điểm đóng thầu cho đến khi hết hạn hiệu lực của HSDT mà nhà thầu đã ghi trong đơn dự thầu hoặc đến khi hết hạn hiệu lực đã gia hạn của HSDT.</p>
<p>25. Mở thầu</p>	<p>25.1. Ngoại trừ các trường hợp quy định tại Mục 23 và Mục 24 CDNT, Bên mời thầu phải mở công khai và đọc to, rõ các thông tin theo Mục 25.3 CDNT của tất cả HSDT đã nhận được trước thời điểm đóng thầu. Việc mở thầu phải được tiến hành công khai theo thời gian và địa điểm quy định tại BDL trước sự chứng kiến của đại diện của các nhà thầu tham dự lễ mở thầu và đại diện của các cơ quan, tổ chức có liên quan. Việc mở thầu không phụ thuộc vào sự có mặt hay vắng mặt của đại diện nhà thầu tham dự thầu.</p> <p>25.3. Việc mở thầu được thực hiện đối với từng HSDT theo thứ tự chữ cái tên của nhà thầu và theo trình tự sau đây:</p> <p>a) Kiểm tra niêm phong;</p> <p>b) Mở bản gốc HSDT, HSDT sửa đổi (nếu có) hoặc HSDT thay thế (nếu có) và đọc to, rõ những thông tin sau: tên nhà thầu, số lượng bản gốc, bản chụp, giá dự thầu ghi trong đơn dự thầu, giá dự thầu ghi trong bảng tổng hợp giá dự thầu, giá trị giảm giá (nếu có), thời gian có hiệu lực của HSDT, thời gian thực hiện hợp đồng, giá trị của bảo đảm dự thầu, thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu và các thông tin khác mà Bên mời thầu thấy cần thiết. Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập thì còn phải đọc giá dự thầu và giá trị giảm giá (nếu có) cho từng phần. Chỉ những thông tin về giảm giá được đọc trong lễ mở thầu mới được tiếp tục xem xét và đánh giá;</p> <p>c) Đại diện của Bên mời thầu phải ký xác nhận vào bản gốc đơn dự thầu, bảo đảm dự thầu, bảng tổng hợp giá dự thầu, giấy uỷ quyền của người đại</p>

	<p>diện theo pháp luật của nhà thầu (nếu có) , thur giảm giá (nếu có). Bên mời thầu không được loại bỏ bất kỳ HSDT nào khi mở thầu, trừ các HSDT nộp muộn theo quy định tại Mục 23 CDNT.</p> <p>25.4. Bên mời thầu phải lập biên bản mở thầu trong đó bao gồm các thông tin quy định tại Mục 25.3 CDNT. Đại diện của các nhà thầu tham dự lễ mở thầu sẽ được yêu cầu ký vào biên bản. Việc thiếu chữ ký của nhà thầu trong biên bản sẽ không làm cho biên bản mất ý nghĩa và mất hiệu lực. Biên bản mở thầu sẽ được gửi đến tất cả các nhà thầu tham dự thầu.</p>
26. Bảo mật	<p>26.1. Thông tin liên quan đến việc đánh giá HSDT và đề nghị trao hợp đồng phải được giữ bí mật và không được phép tiết lộ cho các nhà thầu hay bất kỳ người nào không có liên quan chính thức đến quá trình lựa chọn nhà thầu cho đến khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu. Trong mọi trường hợp không được tiết lộ thông tin trong HSDT của nhà thầu này cho nhà thầu khác, trừ thông tin được công khai khi mở thầu.</p> <p>26.2. Trừ trường hợp làm rõ HSDT theo quy định tại Mục 27 CDNT và thương thảo hợp đồng, nhà thầu không được phép tiếp xúc với Bên mời thầu về các vấn đề liên quan đến HSDT của mình và các vấn đề khác liên quan đến gói thầu trong suốt thời gian từ khi mở thầu cho đến khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu.</p>
27. Làm rõ HSDT	<p>27.1. Sau khi mở thầu, nhà thầu có trách nhiệm làm rõ HSDT theo yêu cầu của Bên mời thầu. Tất cả các yêu cầu làm rõ của Bên mời thầu và phản hồi của nhà thầu phải được thực hiện bằng văn bản. Trường hợp HSDT của nhà thầu thiếu tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm thì Bên mời thầu yêu cầu nhà thầu làm rõ, bổ sung tài liệu để chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm. Đối với các nội dung đề xuất về kỹ thuật, tài chính nêu trong HSDT của nhà thầu, việc làm rõ phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi nội dung cơ bản của HSDT đã nộp, không thay đổi giá dự thầu. Nhà thầu phải thông báo cho Bên mời thầu về việc đã nhận được văn bản yêu cầu làm rõ HSDT bằng một trong những cách sau: gửi văn bản trực tiếp, theo đường bưu điện, fax hoặc e-mail.</p> <p>27.2. Việc làm rõ HSDT giữa nhà thầu và Bên mời thầu được thực hiện thông qua văn bản.</p> <p>27.3. Trong khoảng thời gian theo quy định tại BDL, trường hợp nhà thầu phát hiện HSDT của mình thiếu các tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm thì nhà thầu được phép gửi tài liệu đến Bên mời thầu để làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của mình. Bên mời thầu có trách nhiệm tiếp nhận những tài liệu làm rõ của nhà thầu để xem xét, đánh giá; các tài liệu làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm được coi như một phần của HSDT. Bên mời thầu phải thông báo bằng văn bản cho nhà thầu về việc đã nhận được các tài liệu làm rõ của nhà thầu bằng một trong những cách sau: gửi trực tiếp, theo đường bưu điện, fax hoặc e-mail.</p> <p>27.4. Việc làm rõ HSDT chỉ được thực hiện giữa Bên mời thầu và nhà thầu có HSDT cần phải làm rõ. Nội dung làm rõ HSDT được Bên mời thầu bảo quản như một phần của HSDT. Đối với các nội dung làm rõ ảnh hưởng trực tiếp đến việc đánh giá tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm và yêu cầu về kỹ thuật, tài chính nếu quá thời hạn làm rõ mà nhà thầu không có văn bản làm rõ hoặc có văn bản làm rõ nhưng không đáp ứng được yêu cầu làm rõ của Bên mời thầu thì Bên mời thầu sẽ đánh giá HSDT của nhà thầu theo HSDT nộp trước thời điểm đóng thầu.</p> <p>27.5. Trường hợp cần thiết, Bên mời thầu có thể gửi văn bản yêu cầu nhà thầu có khả năng trúng thầu đến làm việc trực tiếp với Bên mời thầu để làm</p>

	<p>rõ HSDT. Nội dung làm rõ HSDT phải được ghi cụ thể thành biên bản. Việc làm rõ HSDT trong trường hợp này phải bảo đảm tính khách quan, minh bạch.</p>
<p>28. Các sai khác, đặt điều kiện và bỏ sót nội dung</p>	<p>Các định nghĩa sau đây sẽ được áp dụng cho quá trình đánh giá HSDT:</p> <p>28.1. “Sai khác” là các khác biệt so với yêu cầu nêu trong HSMT;</p> <p>28.2. “Đặt điều kiện” là việc đặt ra các điều kiện có tính hạn chế hoặc thể hiện sự không chấp nhận hoàn toàn đối với các yêu cầu nêu trong HSMT;</p> <p>28.3. “Bỏ sót nội dung” là việc nhà thầu không cung cấp được một phần hoặc toàn bộ thông tin hay tài liệu theo yêu cầu nêu trong HSMT.</p>
<p>29. Xác định tính đáp ứng của HSDT</p>	<p>29.1. Bên mời thầu sẽ xác định tính đáp ứng của HSDT dựa trên nội dung của HSDT theo quy định tại Mục 11 CDNT.</p> <p>29.2. HSDT đáp ứng cơ bản là HSDT đáp ứng các yêu cầu nêu trong HSMT mà không có các sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản. Sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản nghĩa là những điểm trong HSDT mà:</p> <p>a) Nếu được chấp nhận thì sẽ gây ảnh hưởng đáng kể đến phạm vi, chất lượng hay hiệu quả sử dụng của công trình được quy định trong hợp đồng; gây hạn chế đáng kể và không thống nhất với HSMT đối với quyền hạn của Chủ đầu tư hoặc nghĩa vụ của nhà thầu trong hợp đồng;</p> <p>b) Nếu được sửa lại thì sẽ gây ảnh hưởng không công bằng đến vị thế cạnh tranh của nhà thầu khác có HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong HSMT.</p> <p>29.3. Bên mời thầu phải kiểm tra các khía cạnh kỹ thuật của HSDT theo Mục 16 CDNT và việc kiểm tra đề xuất kỹ thuật nhằm khẳng định rằng tất cả các yêu cầu nêu trong Phần 2 – Yêu cầu về phạm vi công việc đã được đáp ứng và HSDT không có những sai khác, đặt điều kiện hay bỏ sót các nội dung cơ bản.</p> <p>29.4. Nếu HSDT không đáp ứng cơ bản các yêu cầu nêu trong HSMT thì HSDT đó sẽ bị loại; không được phép sửa đổi các sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản trong HSDT đó nhằm làm cho nó trở thành đáp ứng cơ bản HSMT.</p>
<p>30. Sai sót không nghiêm trọng</p>	<p>30.1. Với điều kiện HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong HSMT thì Bên mời thầu có thể chấp nhận các sai sót mà không phải là những sai khác, đặt điều kiện hay bỏ sót nội dung cơ bản trong HSDT.</p> <p>30.2. Với điều kiện HSDT đáp ứng cơ bản HSMT, Bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu cung cấp các thông tin hoặc tài liệu cần thiết trong một thời hạn hợp lý để sửa chữa những sai sót không nghiêm trọng trong HSDT liên quan đến các yêu cầu về tài liệu. Yêu cầu cung cấp các thông tin và các tài liệu để khắc phục các sai sót này không được liên quan đến bất kỳ khía cạnh nào của giá dự thầu; nếu không đáp ứng yêu cầu nói trên của Bên mời thầu thì HSDT của nhà thầu có thể sẽ bị loại.</p> <p>30.3. Với điều kiện HSDT đáp ứng cơ bản HSMT, Bên mời thầu sẽ điều chỉnh các sai sót không nghiêm trọng và có thể định lượng được liên quan đến giá dự thầu. Theo đó, giá dự thầu sẽ được điều chỉnh để phản ánh chi phí cho các hạng mục bị thiếu hoặc chưa đáp ứng yêu cầu; việc điều chỉnh này chỉ hoàn toàn nhằm mục đích so sánh các HSDT.</p>
<p>31. Ưu đãi trong lựa chọn nhà thầu</p>	<p>31.1. Nguyên tắc ưu đãi: Không áp dụng</p>
<p>32. Đánh giá HSDT</p>	<p>32.1. Bên mời thầu sẽ áp dụng các tiêu chí đánh giá liệt kê trong Mục này và phương pháp đánh giá theo quy định tại BDL để đánh giá các HSDT. Không</p>

	<p>được phép sử dụng bất kỳ tiêu chí hay phương pháp đánh giá nào khác.</p> <p>32.2. Kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ của HSDT:</p> <p>a) Việc kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ của HSDT được thực hiện theo quy định tại Mục 1 Chương III – Tiêu chuẩn đánh giá HSDT;</p> <p>b) Nhà thầu có HSDT hợp lệ được xem xét, đánh giá tiếp về năng lực và kinh nghiệm.</p> <p>32.3. Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm:</p> <p>a) Việc đánh giá về năng lực và kinh nghiệm được thực hiện theo tiêu chuẩn đánh giá quy định tại Mục 2 Chương III – Tiêu chuẩn đánh giá HSDT;</p> <p>b) Nhà thầu có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu được xem xét, đánh giá tiếp về kỹ thuật.</p> <p>32.4. Đánh giá về kỹ thuật và đánh giá về giá:</p> <p>a) Việc đánh giá về kỹ thuật được thực hiện theo tiêu chuẩn đánh giá quy định tại Mục 3 Chương III – Tiêu chuẩn đánh giá HSDT;</p> <p>b) Nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật được xem xét đánh giá tiếp về giá theo quy định tại Mục 4 Chương III – Tiêu chuẩn đánh giá HSDT.</p> <p>32.5. Sau khi đánh giá về giá, Bên mời thầu lập danh sách xếp hạng nhà thầu trình Chủ đầu tư phê duyệt. Nhà thầu xếp hạng thứ nhất được mời vào thương thảo hợp đồng. Việc xếp hạng nhà thầu thực hiện theo quy định tại BDL.</p>
33. Thương thảo hợp đồng	<p>33.1. Việc thương thảo hợp đồng phải dựa trên cơ sở sau đây:</p> <p>a) Báo cáo đánh giá HSDT;</p> <p>b) HSDT và các tài liệu làm rõ HSDT (nếu có) của nhà thầu;</p> <p>c) HSMT.</p> <p>33.2. Nguyên tắc thương thảo hợp đồng thực hiện theo Quy định</p> <p>33.3. Nội dung thương thảo hợp đồng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thương thảo các nội còn tồn tại trong quá trình lựa chọn Nhà thầu - Các điều khoản Hợp đồng và Hoàn thiện dự thảo Hợp đồng.
34. Điều kiện xét duyệt trúng thầu	<p>Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>34.1. Có HSDT hợp lệ;</p> <p>34.2. Có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 2 Chương III – Tiêu chuẩn đánh giá HSDT;</p> <p>34.3. Có đề xuất về kỹ thuật đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 3 Chương III – Tiêu chuẩn đánh giá HSDT;</p> <p>34.4. Có sai lệch thiếu không quá 10% giá dự thầu;</p> <p>34.5. Đáp ứng quy định tại BDL;</p> <p>34.6. Có giá đề nghị trúng thầu không vượt dự toán gói thầu được duyệt. Trường hợp vượt dự toán được duyệt thì xử lý theo quy định tại các khoản 7, 8 Điều 117 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.</p> <p>34.7. Thương thảo đàm phán thành công</p>
35. Hủy thầu	<p>35.1. Bên mời thầu sẽ thông báo hủy thầu trong trường hợp sau đây:</p> <p>a) Tất cả HSDT không đáp ứng được các yêu cầu nêu trong HSMT;</p> <p>b) Thay đổi mục tiêu, phạm vi đầu tư đã ghi trong HSMT;</p> <p>c) HSMT không tuân thủ quy định của pháp luật về đấu thầu hoặc quy định khác của pháp luật có liên quan dẫn đến nhà thầu được lựa chọn không đáp ứng yêu cầu để thực hiện gói thầu, dự án;</p> <p>d) Có bằng chứng về việc đưa, nhận, môi giới hối lộ, thông thầu, gian lận, lợi dụng chức vụ, quyền hạn để can thiệp trái pháp luật vào hoạt động đấu thầu dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu.</p> <p>35.2. Tổ chức, cá nhân vi phạm quy định pháp luật về đấu thầu dẫn đến hủy thầu theo quy định tại điểm c và điểm d Mục 36.1 CDNT phải đền bù chi phí</p>

	<p>cho các bên liên quan và bị xử lý theo quy định của pháp luật.</p> <p>35.3. Trường hợp hủy thầu theo quy định tại Mục 36.1 CDNT, trong thời hạn 5 ngày làm việc Bên mời thầu phải hoàn trả bảo đảm dự thầu cho các nhà thầu dự thầu, trừ trường hợp nhà thầu vi phạm quy định tại điểm d Mục 36.1 CDNT.</p>
36. Thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu	<p>36.1. Trong thời hạn quy định tại BDL, Bên mời thầu phải gửi văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu cho các nhà thầu tham dự thầu theo đường bưu điện, fax và đăng tải kết quả lựa chọn nhà thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia hoặc Báo Đấu thầu theo quy định. Trong văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu phải bao gồm các nội dung sau đây:</p> <p>a) Tên gói thầu, số hiệu gói thầu;</p> <p>b) Tên nhà thầu trúng thầu;</p> <p>c) Địa chỉ giao dịch hiện tại của nhà thầu trúng thầu;</p> <p>d) Giá trúng thầu;</p> <p>e) Loại hợp đồng;</p> <p>f) Thời gian thực hiện hợp đồng;</p> <p>g) Danh sách nhà thầu không được lựa chọn.</p> <p>36.2. Trường hợp hủy thầu theo quy định tại điểm a Mục 36.1 CDNT, trong văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu phải nêu rõ lý do hủy thầu.</p> <p>36.3. Sau khi thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định tại Mục 37.1 CDNT, nếu nhà thầu không được lựa chọn có văn bản hỏi về lý do không được lựa chọn thì trong thời gian tối đa 5 ngày làm việc nhưng phải trước ngày ký hợp đồng, Bên mời thầu phải có văn bản trả lời gửi cho nhà thầu.</p>
37. Thông báo chấp thuận HSDT và trao hợp đồng	<p>Đồng thời với văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu, Bên mời thầu gửi thông báo chấp thuận HSDT và trao hợp đồng, bao gồm cả yêu cầu về biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng, thời gian hoàn thiện, ký kết hợp đồng theo Mẫu số 14 Chương VIII – Biểu mẫu hợp đồng cho nhà thầu trúng thầu với điều kiện nhà thầu đã được xác minh là đủ năng lực để thực hiện tốt hợp đồng. Thông báo chấp thuận HSDT và trao hợp đồng là một phần của hồ sơ hợp đồng. Trường hợp nhà thầu trúng thầu không đến hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc không nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo thời hạn nêu trong thông báo chấp thuận HSDT và trao hợp đồng thì nhà thầu sẽ bị loại và không được nhận lại bảo đảm dự thầu theo quy định tại điểm đ Mục 19.5 CDNT.</p>
38. Điều kiện ký kết hợp đồng	<p>38.1. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, HSDT của nhà thầu được lựa chọn còn hiệu lực.</p> <p>38.2. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, nhà thầu được lựa chọn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về năng lực kỹ thuật, tài chính để thực hiện gói thầu. Trường hợp thực tế nhà thầu không còn đáp ứng cơ bản yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm theo quy định nêu trong HSMT thì Chủ đầu tư sẽ từ chối ký kết hợp đồng với nhà thầu. Khi đó, Chủ đầu tư sẽ hủy quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, thông báo chấp thuận HSDT và trao hợp đồng trước đó và mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo hợp đồng.</p> <p>38.3. Chủ đầu tư phải bảo đảm các điều kiện về vốn thanh toán, mặt bằng thực hiện và các điều kiện cần thiết khác để triển khai thực hiện gói thầu theo đúng tiến độ.</p>
39. Bảo đảm thực hiện hợp đồng	<p>39.1. Trước khi hợp đồng có hiệu lực, nhà thầu trúng thầu phải cung cấp một bảo đảm thực hiện hợp đồng theo hình thức thư bảo lãnh do ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành với nội dung và yêu cầu như quy định tại Mục 5 ĐKCT Chương VII - Điều kiện cụ thể của hợp đồng. Nhà thầu sử dụng Mẫu số 15 Chương VIII - Biểu mẫu hợp đồng</p>

	<p>hoặc một mẫu khác được Chủ đầu tư chấp thuận.</p> <p>39.2. Nhà thầu không được hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp sau đây:</p> <p>a) Từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng có hiệu lực;</p> <p>b) Vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng;</p> <p>c) Thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.</p>
40. Giải quyết kiến nghị trong đấu thầu	<p>Khi thấy quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị ảnh hưởng, nhà thầu có quyền gửi đơn kiến nghị về các vấn đề trong quá trình lựa chọn nhà thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu đến Chủ đầu tư, Người có thẩm quyền, Hội đồng tư vấn theo địa chỉ quy định tại BDL. Việc giải quyết kiến nghị trong đấu thầu được thực hiện theo quy định tại Mục 1 Chương XII Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 và Mục 2 Chương XII Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.</p>
41. Theo dõi, giám sát quá trình lựa chọn nhà thầu	<p>Khi phát hiện hành vi, nội dung không phù hợp quy định của pháp luật đấu thầu, nhà thầu có trách nhiệm thông báo cho tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ theo dõi, giám sát theo quy định tại BDL.</p>

Chương II. BẢNG DỮ LIỆU ĐẤU THẦU

CDNT 1.1	Tên Bên mời thầu là: Công ty cổ phần DAP số 2 - Vinachem
CDNT 1.2	Tên gói thầu: Sửa chữa cầu trục gầu ngoạm 21HT101A
CDNT 2	Nguồn vốn (hoặc phương thức thu xếp vốn): Tự có/vay
CDNT 4.1	Điều kiện về cấp doanh nghiệp: Là doanh nghiệp cấp nhỏ hoặc siêu nhỏ theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp”.
CDNT 4.4	Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định tại Điều 6 Luật Đấu thầu và Điều 2 Nghị định 63/2014/NĐ-CP.
CDNT 7.1	<p>Địa chỉ của Bên mời thầu (chỉ liên hệ khi cần giải thích làm rõ HSMT): <i>Công ty cổ phần DAP số 2 – Vinachem.</i> <i>Địa chỉ Khu công nghiệp Tăng Loỏng, thị trấn Tăng Loỏng, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai.</i> <i>Điện thoại: 02143.767.048 – Fax: 02143.767.047</i></p> <p>Bên mời thầu phải nhận được yêu cầu giải thích làm rõ HSMT không muộn hơn 05 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu.</p>
CDNT 7.2	Bên mời thầu Công ty cổ phần DAP số 2 – Vinachem sẽ tổ chức khảo sát hiện trường khi các đơn vị có nhu cầu khảo sát trước khi lập HSDT.
CDNT 8.3	<p>Tài liệu sửa đổi HSMT sẽ được Bên mời thầu gửi đến tất cả các nhà thầu đã nhận HSMT từ Bên mời thầu trước ngày có thời điểm đóng thầu tối thiểu 02 ngày.</p> <p>Trường hợp thời gian gửi văn bản sửa đổi HSMT không đáp ứng theo quy định thì Bên mời thầu thực hiện gia hạn thời điểm đóng thầu tương ứng.</p>
CDNT 18.1	Thời hạn hiệu lực của HSDT là 45 ngày kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.
CDNT 19.2	<p>Nội dung bảo đảm dự thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giá trị và đồng tiền bảo đảm dự thầu: 8.000.000 đồng. - Thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu 75 ngày, kể từ ngày đóng thầu.
CDNT 19.4	Nhà thầu không được lựa chọn sẽ được hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu trong thời hạn tối đa 05 ngày, kể từ ngày thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu.
CDNT 20.1	Số lượng Hồ sơ dự thầu: 01 bản gốc và 01 bản sao.
CDNT 20.2	Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp thì bản gốc làm căn cứ đánh giá HSDT.

CDNT 22.1	Địa chỉ của Bên mời thầu (sử dụng để nộp HSDT): Công ty cổ phần DAP số 2 – Vinachem. Địa chỉ: Khu công nghiệp Tăng Loỏng, thị trấn Tăng Loỏng, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai. Điện thoại: 02143.767.048 – Fax: 02143.767.047 Thời điểm đóng thầu là: 9 giờ 00 phút, ngày 22 tháng 9 năm 2022.
CDNT 25.1	Việc mở thầu sẽ được tiến hành công khai vào lúc: 9 giờ 00 phút, ngày 22 tháng 9 năm 2022, tại địa điểm mở thầu theo địa chỉ như sau: Công ty cổ phần DAP số 2 – Vinachem. Địa chỉ: Khu công nghiệp Tăng Loỏng, thị trấn Tăng Loỏng, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai. Điện thoại: 02143.767.048 – Fax: 02143.767.047
CDNT 27.3	Nhà thầu được tự gửi tài liệu để làm rõ HSDT đến Bên mời thầu trong vòng 05 ngày kể từ ngày đóng/ mở thầu.
CDNT 31.1	Ưu đãi: Không áp dụng
CDNT 32.1	Phương pháp đánh giá HSDT là: a) Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm: Đạt - Không đạt b) Đánh giá về kỹ thuật: Đạt - Không đạt c) Đánh giá về giá: Giá thấp nhất.
CDNT 32.5	Xếp hạng nhà thầu: Nhà thầu có giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chuẩn sai lệch trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.
CDNT 34.5	Nhà thầu có giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất
CDNT 36.1	Thời hạn gửi văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu là 05 ngày làm việc, kể từ ngày Chủ đầu tư phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu.
CDNT 40	- Địa chỉ Bên mời thầu: Công ty cổ phần DAP số 2 – Vinachem. Địa chỉ: Khu công nghiệp Tăng Loỏng, thị trấn Tăng Loỏng, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai. Điện thoại: 02143.767.048 – Fax: 02143.767.047 - Địa chỉ của Người có thẩm quyền: Ông Vũ Việt Tiến – Tổng giám đốc Địa chỉ: Khu công nghiệp Tăng Loỏng, thị trấn Tăng Loỏng, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai. Điện thoại: 02143.767.048 – Fax: 02143.767.047

Chương III. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ HSDT

Mục 1. Kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ HSDT

1.1. Kiểm tra HSDT:

- a) Kiểm tra số lượng bản chụp HSDT;
- b) Kiểm tra các thành phần của bản gốc HSDT, bao gồm hồ sơ về hành chính, pháp lý, hồ sơ về năng lực và kinh nghiệm, đề xuất về kỹ thuật của nhà thầu theo yêu cầu của HSMT, trong đó có: đơn dự thầu, giấy ủy quyền ký đơn dự thầu (nếu có); bảo đảm dự thầu; tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ; tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm; đề xuất về kỹ thuật; đề xuất về giá và các thành phần khác thuộc HSDT theo quy định tại Mục 11 CDNT;
- c) Kiểm tra sự thống nhất nội dung giữa bản gốc và bản chụp để phục vụ quá trình đánh giá chi tiết HSDT.

1.2. Đánh giá tính hợp lệ HSDT:

HSDT của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

- a) Có bản gốc HSDT;
 - b) Có đơn dự thầu được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu (nếu có).
 - c) Thời gian thực hiện hợp đồng nêu trong đơn dự thầu phải phù hợp với đề xuất về kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu nêu trong HSMT;
 - d) Giá dự thầu ghi trong đơn dự thầu phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với tổng giá dự thầu ghi trong Bảng tổng hợp giá dự thầu, không đề xuất các giá dự thầu khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu;
 - đ) Thời hạn hiệu lực của HSDT đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 18.1 CDNT;
 - e) Có bảo đảm dự thầu với giá trị và thời hạn hiệu lực đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 19.2 CDNT. Đối với trường hợp quy định bảo đảm dự thầu theo hình thức nộp thư bảo lãnh thì thư bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam ký tên với giá trị và thời hạn hiệu lực, tên của Bên mời thầu (đơn vị thụ hưởng) theo quy định tại Mục 19.2 CDNT;
 - g) Không có tên trong hai hoặc nhiều HSDT với tư cách là nhà thầu chính. Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập thì nhà thầu không có tên trong hai hoặc nhiều HSDT với tư cách là nhà thầu chính đối với phần mà nhà thầu tham dự thầu;
 - i) Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 4 CDNT.
- Nhà thầu có HSDT hợp lệ được xem xét, đánh giá tiếp về năng lực và kinh nghiệm.

Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm

Nhà thầu được đánh giá về năng lực và kinh nghiệm được thực hiện theo các tiêu chuẩn quy định tại các Mục 2.1, 2.2 và 2.3 Chương này. Nhà thầu được đánh giá là đạt về năng lực và kinh nghiệm khi đáp ứng các tiêu chuẩn quy định tại các Mục 2.1, 2.2 và 2.3 Chương này.

2.1. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực tài chính và kinh nghiệm:

Việc đánh giá về năng lực tài chính và kinh nghiệm được thực hiện theo Bảng tiêu chuẩn dưới đây:

BẢNG TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC TÀI CHÍNH VÀ KINH NGHIỆM

Các tiêu chí năng lực tài chính và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ	Tài liệu cần nộp
TT	Mô tả	Yêu cầu		
1	Lịch sử không hoàn thành hợp đồng	Từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có hợp đồng không hoàn thành	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Mẫu số 06

Các tiêu chí năng lực tài chính và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ	Tài liệu cần nộp
TT	Mô tả	Yêu cầu		
2	Các yêu cầu về tài chính			
2.1	Kết quả hoạt động tài chính	Nộp báo cáo tài chính năm 02 năm gần nhất (2020-2021) để chứng minh tình hình tài chính lành mạnh của nhà thầu. Giá trị tài sản ròng của nhà thầu trong năm gần nhất phải dương.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Mẫu số 07
2.2	Doanh thu bình quân hàng năm từ hoạt động kinh doanh	Doanh thu bình quân hàng năm từ hoạt động chế tạo, sửa chữa và lắp đặt tối thiểu là 970.000.000 VND, trong năm 02 năm gần nhất (2020-2021).	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Mẫu số 08
2.3	Yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu	Nhà thầu phải chứng minh có các tài sản có khả năng thanh khoản cao hoặc có khả năng tiếp cận với tài sản có khả năng thanh khoản cao sẵn có, các khoản tín dụng hoặc các nguồn tài chính khác (không kể các khoản tạm ứng thanh toán theo hợp đồng) để đáp ứng yêu cầu về nguồn lực tài chính thực hiện gói thầu với giá trị là ≥ 195 triệu VND.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Các Mẫu số 09
3	Kinh nghiệm cụ thể trong quản lý và thực hiện hợp đồng tương tự	Đang thực hiện hoặc đã hoàn thành tối thiểu 01 hợp đồng. Trong đó gồm 01 hợp đồng sửa chữa cầu trục, gầu ngoạm có giá trị ≥ 325 triệu đồng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Mẫu số 10 Cung cấp bản chụp các hợp đồng

2.2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực kỹ thuật

a) Nhân sự chủ chốt:

Nhà thầu phải chứng minh rằng mình có đầy đủ nhân sự cho các vị trí chủ chốt đáp ứng những yêu cầu sau đây:

STT	Vị trí công việc	Tổng số năm kinh nghiệm	Trình độ chuyên môn
1	Đội trưởng thi công	Tối thiểu 02 năm	Tối thiểu 01 người, tốt nghiệp đại học chuyên ngành Cơ khí động lực.
2	Cán bộ kỹ thuật	Tối thiểu 01 năm	Tối thiểu 01 người, tốt nghiệp cao đẳng chuyên ngành cơ khí trở lên.
2	Công nhân thi công	Tối thiểu 01 năm	Tối thiểu 2 người, có chứng chỉ đào tạo nghề.

b) Thiết bị thi công chủ yếu dự kiến huy động để thực hiện gói thầu

Nhà thầu phải chứng minh khả năng huy động thiết bị thi công chủ yếu để thực hiện gói thầu theo yêu cầu sau đây:

STT	Loại thiết bị và đặc điểm thiết bị	Số lượng tối thiểu cần có
-----	------------------------------------	---------------------------

STT	Loại thiết bị và đặc điểm thiết bị	Số lượng tối thiểu cần có
1	Máy hàn điện	≥ 1 cái
2	Máy mài cầm tay	≥ 2 cái
3	Máy hàn TIG	≥ 1 cái
4	Pa lăng 10 tấn	≥ 1 cái
5	Pa lăng 5 tấn	≥ 2 cái
6	Máy ép dây tụy ô thủy lực	≥ 1 cái

Nhà thầu phải kê khai thông tin chi tiết về các thiết bị thi công chủ yếu dự kiến huy động để thực hiện gói thầu theo Mẫu số 13 Chương IV - Biểu mẫu dự thầu. Trường hợp nhà thầu đi thuê thiết bị phải có hợp đồng đính kèm.

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật:

Việc đánh giá về mặt kỹ thuật được thực hiện theo tiêu chí “Đạt”, “Không đạt”. HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu kỹ thuật khi có tất cả nội dung yêu cầu đề được đánh giá là “Đạt”.

Nội dung đánh giá bao gồm:

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
		Đạt	Không đạt
1	Dự thầu cho toàn bộ phạm vi và khối lượng công việc theo yêu cầu của HSMT	Đáp ứng	Không đáp ứng yêu cầu
2	Lập biện pháp thi công đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, tiến độ hoàn thành, không ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất của nhà máy.	Đáp ứng theo các nội dung yêu cầu trên	Không đáp ứng một phần hoặc toàn bộ các nội dung yêu cầu trên
3	Tiến độ thi công hoàn thành không quá 60 ngày kể từ ngày bàn giao thiết bị.	Đáp ứng	Vượt tiến độ 60 ngày
4	Nhân sự tham gia gói thầu	Có bằng cấp, chứng chỉ theo quy định tại mục 2.2.	Không đáp ứng
5	Bảo hành công trình	Có cam kết bảo hành 12 tháng đối với nội dung công việc số 1 và mục 2 trong Bảng tổng hợp giá dự thầu (Mẫu số 04). Các mục còn lại yêu cầu thời gian bảo hành 06 tháng.	Không có cam kết bảo hành hoặc thời gian bảo hành không đáp ứng yêu cầu
6	Vật tư chính cung cấp	Bơm dầu thủy lực: Model 201FX034DSE. Xuất xứ: Italia	Không đáp ứng

Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về giá

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

Bước 1. Xác định giá dự thầu;

Bước 2. Sửa lỗi (thực hiện theo quy định tại phần Ghi chú (1));

Bước 3. Hiệu chỉnh sai lệch (thực hiện theo quy định tại phần Ghi chú (2));

Bước 4. Xác định giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);

Bước 5. Xếp hạng nhà thầu:

HSDT có giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

Chương IV. BIỂU MẪU DỰ THẦU

Mẫu số 01 (a). Đơn dự thầu (*áp dụng trong trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá trong thư giám giá*)

Mẫu số 01 (b). Đơn dự thầu (*áp dụng trong trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá trong đơn dự thầu*)

Mẫu số 02. Giấy ủy quyền

Mẫu số 03. Bảo lãnh dự thầu

Mẫu số 04. Bảng tổng hợp giá dự thầu

Mẫu số 05 (a). Bản kê khai thông tin về nhà thầu

Mẫu số 06. Hợp đồng không hoàn thành trong quá khứ

Mẫu số 07. Tình hình tài chính trước đây của nhà thầu

Mẫu số 08. Doanh thu bình quân hàng năm từ hoạt động chế tạo, sửa chữa.

Mẫu số 09. Nguồn lực tài chính

Mẫu số 10. Hợp đồng tương tự

Mẫu số 11. Bảng đề xuất nhân sự chủ chốt

Mẫu số 12. Bản lý lịch chuyên môn của nhân sự chủ chốt

Mẫu số 13. Bảng kê khai thiết bị

Mẫu số 14 Hợp đồng

Mẫu số 15 Bảo lãnh thực hiện hợp đồng

ĐƠN DỰ THẦU⁽¹⁾

(áp dụng trong trường hợp nhà thầu không có đề xuất giảm giá hoặc có đề xuất giảm giá trong thư giảm giá riêng)

Ngày: [ghi ngày tháng năm kỷ đơn dự thầu]

Tên gói thầu: [ghi tên gói thầu theo thông báo mời thầu]

Thư mời thầu số: [ghi số trích yếu của Thư mời thầu đối với đấu thầu hạn chế]

Kính gửi: [ghi đầy đủ và chính xác tên của Bên mời thầu]

Sau khi nghiên cứu hồ sơ mời thầu và văn bản sửa đổi hồ sơ mời thầu số ____ [ghi số của văn bản sửa đổi (nếu có)] mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, ____ [ghi tên nhà thầu], cam kết thực hiện gói thầu ____ [ghi tên gói thầu] theo đúng yêu cầu nêu trong hồ sơ mời thầu với tổng số tiền là ____ [ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền dự thầu]⁽²⁾ cùng với Bảng tổng hợp giá dự thầu kèm theo.

Thời gian thực hiện hợp đồng là ____ [ghi thời gian thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu của gói thầu]⁽³⁾.

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một hồ sơ dự thầu này với tư cách là nhà thầu chính.
2. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.
3. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu.
4. Không thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ, thông thầu, cản trở và các hành vi vi phạm quy định khác của pháp luật đấu thầu khi tham dự gói thầu này.
5. Những thông tin kê khai trong hồ sơ dự thầu là trung thực.

Nếu hồ sơ dự thầu của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Mục 38 – Chi dẫn nhà thầu của hồ sơ mời thầu.

Hồ sơ dự thầu này có hiệu lực trong thời gian ____⁽⁴⁾ ngày, kể từ ngày ____ tháng ____ năm ____⁽⁵⁾.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu⁽⁶⁾
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Nhà thầu lưu ý, đơn dự thầu phải được ghi đầy đủ và chính xác các thông tin về tên của Bên mời thầu, nhà thầu, thời gian có hiệu lực của HSDT, được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu.

(2) Giá dự thầu ghi trong đơn dự thầu phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với tổng giá dự thầu ghi trong Bảng tổng hợp giá dự thầu, không đề xuất các giá dự thầu khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu. Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập thì nhà thầu phải ghi giá dự thầu cho từng phần và tổng giá dự thầu cho các phần mà nhà thầu tham dự thầu.

(3) Thời gian thực hiện hợp đồng nêu trong đơn dự thầu phải phù hợp với đề xuất về kỹ thuật và Biểu tiến độ thi công nêu trong HSDT.

(4) Thời gian có hiệu lực của HSDT được tính kể từ ngày có thời điểm đóng thầu đến ngày cuối cùng có hiệu lực theo quy định trong HSMT. Từ thời điểm đóng thầu đến hết 24 giờ của ngày đóng thầu được tính là 1 ngày.

(5) Ghi ngày đóng thầu theo quy định tại Mục 22.1 BDL.

(6) Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà thầu ủy quyền cho cấp dưới ký đơn dự thầu thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương này; trường hợp tại điều lệ công ty hoặc tại các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm cho cấp dưới ký đơn dự thầu thì phải gửi kèm theo các văn bản này (không cần lập Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương này). Nếu nhà thầu trúng thầu, trước khi ký kết hợp đồng, nhà thầu phải trình Chủ đầu tư bản chụp được chứng thực các văn bản này. Trường hợp phát hiện thông tin kê khai ban đầu là không chính xác thì nhà thầu bị coi là vi phạm Mục 3 CDNT.

ĐƠN DỰ THẦU ⁽¹⁾

(áp dụng trong trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá trong đơn dự thầu)

Ngày: [ghi ngày tháng năm ký đơn dự thầu]

Tên gói thầu: [ghi tên gói thầu theo thông báo mời thầu]

Thư mời thầu số: [ghi số trích yếu của Thư mời thầu đối với đấu thầu hạn chế]

Kính gửi: [ghi đầy đủ và chính xác tên của Bên mời thầu]

Sau khi nghiên cứu hồ sơ mời thầu và văn bản sửa đổi hồ sơ mời thầu số ____ [ghi số của văn bản sửa đổi (nếu có)] mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, ____ [ghi tên nhà thầu], cam kết thực hiện gói thầu ____ [ghi tên gói thầu] theo đúng yêu cầu nêu trong hồ sơ mời thầu với tổng số tiền là ____ [ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền dự thầu] ⁽²⁾ cùng với Bảng tổng hợp giá dự kèm theo.

Ngoài ra, chúng tôi tự nguyện giảm giá dự thầu với số tiền giảm giá là: ____ [ghi giá trị giảm giá bằng số, bằng chữ và đồng tiền].

Giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá là: ____ [ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền] ⁽³⁾

Thời gian thực hiện hợp đồng là ____ [ghi thời gian thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu của gói thầu] ⁽⁴⁾.

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một hồ sơ dự thầu này với tư cách là nhà thầu chính.
2. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.
3. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu.
4. Không thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ, thông thầu, cản trở và các hành vi vi phạm quy định khác của pháp luật đấu thầu khi tham dự gói thầu này.
5. Những thông tin kê khai trong hồ sơ dự thầu là trung thực.

Nếu hồ sơ dự thầu của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Mục 38 – Chỉ dẫn nhà thầu trong hồ sơ mời thầu.

Hồ sơ dự thầu này có hiệu lực trong thời gian ____ ⁽⁵⁾ ngày, kể từ ngày ____ tháng ____ năm ____ ⁽⁶⁾.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu ⁽⁷⁾

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Nhà thầu lưu ý, đơn dự thầu phải được ghi đầy đủ và chính xác các thông tin về tên của Bên mời thầu, nhà thầu, thời gian có hiệu lực của HSĐT, được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu.

(2) Giá dự thầu ghi trong đơn dự thầu phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với tổng giá dự thầu ghi trong Bảng tổng hợp giá dự thầu, không đề xuất các giá dự thầu khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu. Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập thì nhà thầu phải ghi giá dự thầu cho từng phần và tổng giá dự thầu cho các phần mà nhà thầu tham dự thầu.

(3) Ghi rõ giảm giá cho toàn bộ gói thầu hay giảm giá cho một hoặc nhiều công việc, hạng mục nào đó (nêu rõ công việc, hạng mục được giảm giá).

(4) Thời gian thực hiện hợp đồng nêu trong đơn dự thầu phải phù hợp với đề xuất về kỹ thuật và Biểu tiến độ thi công nêu trong HSĐT.

(5) Thời gian có hiệu lực của HSĐT được tính kể từ ngày có thời điểm đóng thầu đến ngày cuối cùng có hiệu lực theo quy định trong HSMT. Từ thời điểm đóng thầu đến hết 24 giờ của ngày đóng thầu được tính là 1 ngày.

(6) Ghi ngày đóng thầu theo quy định tại Mục 22.1 BDL.

(7) Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà thầu ủy quyền cho cấp dưới ký đơn dự thầu thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương này; trường hợp tại điều lệ công ty hoặc tại các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm cho cấp dưới ký đơn dự thầu thì phải gửi kèm theo các văn bản này (không cần lập Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương này). Nếu nhà thầu trúng thầu, trước khi ký kết hợp đồng, nhà thầu phải trình Chủ đầu tư bản chụp được chứng thực các văn bản này. Trường hợp phát hiện thông tin kê khai ban đầu là không chính xác thì nhà thầu bị coi là vi phạm Mục 3 CDNT.

GIẤY ỦY QUYỀN ⁽¹⁾

Hôm nay, ngày ____ tháng ____ năm ____, tại ____

Tôi là ____ [ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu], là người đại diện theo pháp luật của ____ [ghi tên nhà thầu] có địa chỉ tại ____ [ghi địa chỉ của nhà thầu] bằng văn bản này ủy quyền cho ____ [ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham dự thầu gói thầu ____ [ghi tên gói thầu] thuộc dự án ____ [ghi tên dự án] do ____ [ghi tên Bên mời thầu] tổ chức:

[- Ký đơn dự thầu;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Bên mời thầu trong quá trình tham gia đấu thầu, kể cả văn bản đề nghị làm rõ hồ sơ mời thầu và văn bản giải trình, làm rõ hồ sơ dự thầu hoặc văn bản đề nghị rút hồ sơ dự thầu, sửa đổi, thay thế hồ sơ dự thầu;

- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;

- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;

- Ký kết hợp đồng với Chủ đầu tư nếu được lựa chọn.] ⁽²⁾

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của ____ [ghi tên nhà thầu]. ____ [ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà thầu] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do ____ [ghi tên người được ủy quyền] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ____ đến ngày ____ ⁽³⁾. Giấy ủy quyền này được lập thành ____ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ ____ bản, người được ủy quyền giữ ____ bản, Bên mời thầu giữ ____ bản.

Người được ủy quyền

[ghi tên, chức danh, ký tên và
đóng dấu]

Người ủy quyền

[ghi tên người đại diện theo pháp luật của
nhà thầu, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho Bên mời thầu cùng với đơn dự thầu theo quy định tại Mục 20.3 CDNT. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà thầu để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà thầu hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình tham gia đấu thầu.

BẢO LÃNH DỰ THẦU⁽¹⁾

Bên thụ hưởng: [ghi tên và địa chỉ của Bên mời thầu]

Ngày phát hành bảo lãnh: [ghi ngày phát hành bảo lãnh]

BẢO LÃNH DỰ THẦU số: [ghi số trích yếu của Bảo lãnh dự thầu]

Bên bảo lãnh: [ghi tên và địa chỉ nơi phát hành, nếu những thông tin này chưa được thể hiện ở phần tiêu đề trên giấy in]

Chúng tôi được thông báo rằng [ghi tên nhà thầu] (sau đây gọi là "Bên yêu cầu bảo lãnh") sẽ tham dự thầu để thực hiện gói thầu [ghi tên gói thầu] thuộc dự án [ghi tên dự án] theo Thư mời thầu/thông báo mời thầu số [ghi số trích yếu của Thư mời thầu/thông báo mời thầu].

Chúng tôi cam kết với Bên thụ hưởng bảo lãnh cho nhà thầu tham dự thầu gói thầu này bằng một khoản tiền là _____ [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng].

Bảo lãnh này có hiệu lực trong _____⁽²⁾ ngày, kể từ ngày _____ tháng _____ năm _____⁽³⁾.

Theo yêu cầu của Bên yêu cầu bảo lãnh, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết chắc chắn sẽ thanh toán cho Bên thụ hưởng một khoản tiền hay các khoản tiền không vượt quá tổng số tiền là [ghi bằng chữ] [ghi bằng số] khi nhận được văn bản thông báo nhà thầu vi phạm từ Bên thụ hưởng trong đó nêu rõ:

1. Nhà thầu rút hồ sơ dự thầu sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của hồ sơ dự thầu;

2. Nhà thầu vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu theo quy định tại điểm d Mục 36.1 – Chỉ dẫn nhà thầu của hồ sơ mời thầu;

3. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành thương thảo hợp đồng trong thời hạn 5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo mời đến thương thảo hợp đồng của Bên mời thầu, trừ trường hợp bất khả kháng;

4. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của Bên mời thầu hoặc đã hoàn thiện hợp đồng nhưng từ chối ký hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng;

5. Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Mục 40.1 – Chỉ dẫn nhà thầu của hồ sơ mời thầu.

Nếu Bên yêu cầu bảo lãnh được lựa chọn: bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi Bên yêu cầu bảo lãnh ký kết hợp đồng và nộp Bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên thụ hưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng đó.

Nếu Bên yêu cầu bảo lãnh không được lựa chọn: bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi chúng tôi nhận được bản chụp văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu từ Bên thụ hưởng gửi cho Bên yêu cầu bảo lãnh; trong vòng 30 ngày sau khi hết thời hạn hiệu lực của hồ sơ dự thầu.

Bất cứ yêu cầu bồi thường nào theo bảo lãnh này đều phải được gửi đến văn phòng chúng tôi trước hoặc trong ngày đó.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Áp dụng trong trường hợp biện pháp bảo đảm dự thầu là thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam.

(2) Ghi theo quy định tại Mục 19.2 BDL.

(3) Ghi ngày đóng thầu theo quy định tại Mục 22.1 BDL.

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ DỰ THẦU

Bên mời thầu sẽ đưa ra danh sách các hạng mục công việc của gói thầu trong cột “Mô tả công việc mời thầu” cùng với đơn vị đo lường và khối lượng mời thầu tương ứng, phù hợp với mô tả công việc, chi tiết kỹ thuật trong Chương V – Yêu cầu về phạm vi công việc.

Mỗi hạng mục sẽ được mô tả chi tiết để hướng dẫn rõ ràng cho nhà thầu, bao gồm: loại công việc, phạm vi công việc, mức độ phức tạp, tiêu chuẩn yêu cầu.

Nhà thầu phải chào giá trọn gói cho mỗi hạng mục công việc. Tổng giá của tất cả các hạng mục công việc sẽ là giá dự thầu.

Khi tham dự thầu, nhà thầu phải chịu trách nhiệm tìm hiểu, tính toán và chào đầy đủ các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có). Giá dự thầu của nhà thầu phải bao gồm các chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có) theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định và chi phí dự phòng. Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá dự thầu không bao gồm thuế, phí, lệ phí thì HSDT của nhà thầu sẽ bị loại.

STT	Mô tả công việc mời thầu ⁽¹⁾	Đơn vị tính ⁽²⁾	Khối lượng mời thầu ⁽³⁾	Đơn giá dự thầu ⁽⁴⁾ (đã bao gồm thuế, phí)	Thành tiền ⁽⁵⁾
1	Sửa chữa hệ thống thủy lực bao gồm: - Thay phớt làm kín xilanh. - Thay bơm thủy lực. - Thay cút, phụ kiện nối thủy lực và dây tủy ô bị nứt. - Thay các van chính áp bị mòn.	Bộ	01		
2	Sửa chữa cơ cấu khớp cơ khí gầu ngoạm bao gồm: - Thay các bạc ác bị hỏng. - Phục hồi lại trục ác bị ăn mòn.	Bộ	01		
3	Hiệu chỉnh áp suất và tốc độ đóng mở gầu ngoạm để công suất làm việc cầu trục đáp ứng công suất xường PA	Bộ	01		
4	Thay thế, lắp đặt và căn chỉnh các má phanh động cơ xe cầu, xe con.	Bộ	01		
5	Phục hồi, sửa chữa bộ bánh răng, nối trục và lỗ lắp vòng bi hộp giảm tốc nâng hạ	Bộ	01		

Đại diện hợp pháp của nhà thầu
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú: giá chào đã bao gồm tất cả các thuế, phí,.....

BẢN KÊ KHAI THÔNG TIN VỀ NHÀ THẦU

Ngày: _____

Số hiệu và tên gói thầu: _____

Tên nhà thầu: <i>[ghi tên nhà thầu]</i>
Nơi nhà thầu đăng ký kinh doanh, hoạt động: <i>[ghi tên tỉnh/thành phố nơi đăng ký kinh doanh, hoạt động]</i>
Năm thành lập công ty:
Địa chỉ hợp pháp của nhà thầu <i>[tại nơi đăng ký]</i> :
Thông tin về đại diện hợp pháp của nhà thầu Tên: _____ Địa chỉ: _____ Số điện thoại/fax: _____ Địa chỉ email: _____
Kèm theo là bản chụp một trong các tài liệu sau đây: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền của nước mà nhà thầu đang hoạt động cấp.

HỢP ĐỒNG KHÔNG HOÀN THÀNH TRONG QUÁ KHỨ⁽¹⁾

Tên nhà thầu: _____
 Ngày: _____

Các hợp đồng không hoàn thành trong quá khứ theo Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá HSDT	
Không có hợp đồng nào đã ký nhưng không thực hiện kể từ ngày 1 tháng 1 năm ___[ghi năm]___ theo quy định tại tiêu chí đánh giá 1 trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực tài chính và kinh nghiệm Mục 2.1 Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá HSDT. Có hợp đồng đã ký nhưng không hoàn thành tính từ ngày 1 tháng 1 năm ___[ghi năm]___ theo quy định tại tiêu chí đánh giá 1 trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực tài chính và kinh nghiệm Mục 2.1 Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá HSDT.	
Năm	Phần việc hợp đồng không hoàn thành Mô tả hợp đồng: Tên Chủ đầu tư: Địa chỉ: Nguyên nhân không hoàn thành hợp đồng:
	Tổng giá trị hợp đồng (giá trị hiện tại, đơn vị tiền tệ, tỷ giá hối đoái, giá trị tương đương bằng VND)

Ghi chú:

(1) Nhà thầu phải kê khai chính xác, trung thực các hợp đồng không hoàn thành trong quá khứ; nếu Bên mời thầu phát hiện bất cứ nhà thầu nào có hợp đồng không hoàn thành trong quá khứ mà không kê khai thì được coi là hành vi “gian lận” và HSDT sẽ bị loại.

KÊ KHAI TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TRƯỚC ĐÂY CỦA NHÀ THẦU

Tên nhà thầu: _____

Ngày: _____

Thông tin từ Bảng cân đối kế toán

	2020	2021
Tổng tài sản		
Tổng nợ		
Giá trị tài sản ròng		
Tài sản ngắn hạn		
Nợ ngắn hạn		
Vốn lưu động		

Thông tin từ Báo cáo kết quả kinh doanh

	2020	2021
Tổng doanh thu		
Lợi nhuận trước thuế		
Lợi nhuận sau thuế		

Đính kèm là bản sao các báo cáo tài chính (các bảng cân đối kế toán bao gồm tất cả thuyết minh có liên quan, các báo cáo kết quả kinh doanh) trong 02 năm gần nhất (2020-2021)⁽³⁾ và tuân thủ các điều kiện sau:

1. Phản ánh tình hình tài chính của nhà thầu mà không phải tình hình tài chính của một chủ thể liên kết như công ty mẹ hoặc công ty con hoặc công ty liên kết với nhà thầu.
2. Các báo cáo tài chính phải hoàn chỉnh, đầy đủ nội dung theo quy định.
3. Các báo cáo tài chính phải tương ứng với các kỳ kế toán đã hoàn thành, kèm theo là bản chụp được chứng thực một trong các tài liệu sau đây:
 - Biên bản kiểm tra quyết toán thuế;
 - Tờ khai tự quyết toán thuế (thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp) có xác nhận của cơ quan thuế về thời điểm đã nộp tờ khai;
 - Tài liệu chứng minh việc nhà thầu đã kê khai quyết toán thuế điện tử;
 - Văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế (xác nhận số nộp cả năm) về việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế;
 - Báo cáo kiểm toán (nếu có);
 - Các tài liệu khác.

Ghi chú:

(2) Nếu khoảng thời gian được quy định tại tiêu chí đánh giá 3.1 Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực tài chính và kinh nghiệm Mục 2.1 Chương III – Tiêu chuẩn đánh giá HSDT là 4 hoặc 5 năm thì các cột tại bảng trên cần được mở rộng cho phù hợp.

(3) Khoảng thời gian được nêu ở đây cần giống khoảng thời gian được quy định tại Tiêu chí đánh giá 3.1 Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực tài chính và kinh nghiệm Mục 2.1 Chương III – Tiêu chuẩn đánh giá HSDT.

NGUỒN LỰC TÀI CHÍNH

Nêu rõ các nguồn tài chính dự kiến, chẳng hạn như các tài sản có khả năng thanh khoản cao⁽²⁾, các hạn mức tín dụng và các nguồn tài chính khác (không phải là các khoản tạm ứng theo hợp đồng) có sẵn để đáp ứng yêu cầu về nguồn lực tài chính được nêu trong Mẫu số 10 Chương này.

Nguồn lực tài chính của nhà thầu		
STT	Nguồn tài chính	Số tiền (VND)
1		
2		
3		
4		
5		
...		
Tổng nguồn lực tài chính của nhà thầu (TNL)		

Ghi chú:

Nguồn lực tài chính mà nhà thầu dự kiến huy động để thực hiện gói thầu được tính theo công thức sau:

$$NLTC = TNL - ĐTH$$

Trong đó:

- *NLTC là nguồn lực tài chính mà nhà thầu dự kiến huy động để thực hiện gói thầu;*
- *TNL là tổng nguồn lực tài chính của nhà thầu (tổng nguồn lực tài chính nêu tại Mẫu này);*
- *ĐTH là tổng yêu cầu về nguồn lực tài chính hàng tháng cho các hợp đồng đang thực hiện (nếu tại Mẫu số 10).*

Nhà thầu được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu nếu có nguồn lực tài chính dự kiến huy động để thực hiện gói thầu (NLTC) tối thiểu bằng giá trị yêu cầu tại tiêu chí đánh giá 3.3 Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực tài chính và kinh nghiệm Mục 2.1 Chương III – Tiêu chuẩn đánh giá HSDT.

Trường hợp trong HSDT, nhà thầu có nộp kèm theo bản cam kết tín dụng của tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam, trong đó cam kết sẽ cung cấp tín dụng cho nhà thầu để thực hiện gói đang xét với hạn mức tối thiểu bằng giá trị yêu cầu tại tiêu chí đánh giá 3.3 Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực tài chính và kinh nghiệm Mục 2.1 Chương III – Tiêu chuẩn đánh giá HSDT trong suốt thời gian thực hiện hợp đồng thì nhà thầu được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu và không phải kê khai thông tin theo quy định Mẫu này và Mẫu số 10.

(2) Tài sản có khả năng thanh khoản cao là tiền mặt và tương đương tiền mặt, các công cụ tài chính ngắn hạn, các chứng khoán sẵn sàng để bán, chứng khoán dễ bán, các khoản phải thu thương mại, các khoản phải thu tài chính ngắn hạn và các tài sản khác mà có thể chuyển đổi thành tiền mặt trong vòng một năm.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG TỰ

I. Hợp đồng (thứ nhất)	(Mô tả)
Số Hợp đồng	
Ngày ký Hợp đồng	
Nội dung chính Hợp đồng	
Tiến độ Hợp đồng	
Ngày khởi công, hoàn thành	
Giá hợp đồng	
Tên Chủ đầu tư Địa chỉ Điện thoại/Số Fax E-mail	
II. Hợp đồng (thứ hai,....) (thực hiện tương tự Hợp đồng thứ nhất)	

Ghi chú:

(1) Bên mời thầu cần ghi quy mô hợp đồng, mức độ phức tạp, các phương pháp, công nghệ hoặc các đặc điểm khác như mô tả trong Chương V - Yêu cầu về phạm vi công việc.

(2) Nhà thầu cần ghi các đặc điểm tương tự của hợp đồng để chứng minh sự đáp ứng về hợp đồng tương tự.

BẢNG ĐỀ XUẤT NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

- Đối với từng vị trí công việc quy định tại Mẫu này thì nhà thầu phải kê khai các thông tin chi tiết theo Mẫu số 15 và Mẫu số 13 Chương này.

- Nhà thầu phải kê khai những nhân sự chủ chốt có năng lực phù hợp đáp ứng các yêu cầu quy định tại điểm a Mục 2.2 Chương III – Tiêu chuẩn đánh giá HSDT và có thể sẵn sàng huy động cho gói thầu; không được kê khai những nhân sự đã huy động cho gói thầu khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện gói thầu này. Trường hợp kê khai không trung thực thì nhà thầu sẽ bị đánh giá là gian lận.

1	Vị trí công việc: <i>[ghi cụ thể vị trí công việc đảm nhận trong gói thầu]</i> Tên: <i>[ghi tên nhân sự chủ chốt]</i>
2	Vị trí công việc: <i>[ghi cụ thể vị trí công việc đảm nhận trong gói thầu]</i> Tên: <i>[ghi tên nhân sự chủ chốt]</i>
3	Vị trí công việc Tên
4	Vị trí công việc Tên
5	Vị trí công việc Tên
....	Vị trí công việc Tên

BẢN LÝ LỊCH CHUYÊN MÔN CỦA NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

Nhà thầu phải cung cấp tất cả các thông tin được yêu cầu dưới đây và phải gửi kèm theo bản chụp được chứng thực các văn bản, chứng chỉ có liên quan.

Vị trí		
Thông tin nhân sự	Tên	Ngày, tháng, năm sinh:
	Trình độ chuyên môn	
Công việc hiện tại	Tên của người sử dụng lao động	
	Địa chỉ của người sử dụng lao động	
	Điện thoại	Người liên lạc (trưởng phòng / cán bộ phụ trách nhân sự)
	Fax	E-mail
	Chức danh	Số năm làm việc cho người sử dụng lao động hiện tại

BẢN KINH NGHIỆM CHUYÊN MÔN

Tóm tắt kinh nghiệm chuyên môn theo trình tự thời gian từ hiện tại trở về trước. Nêu rõ các kinh nghiệm chuyên môn và kinh nghiệm quản lý cụ thể liên quan đến gói thầu.

Từ	Đến	Công ty / Dự án / Chức vụ / Kinh nghiệm chuyên môn và quản lý có liên quan

BẢNG KÊ KHAI THIẾT BỊ

Nhà thầu chỉ được kê khai những thiết bị thi công chủ yếu đáp ứng yêu cầu đối với các thiết bị chính như đã nêu trong danh sách theo yêu cầu quy định tại điểm b Mục 2.2 Chương III-Tiêu chuẩn đánh giá HSDT mà có thể sẵn sàng huy động cho gói thầu; không được kê khai những thiết bị đã huy động cho gói thầu khác có thời gian huy động trùng với thời gian thực hiện gói thầu này. Trường hợp kê khai không trung thực thì nhà thầu sẽ bị đánh giá là gian lận.

Thiết bị thi công phải thuộc sở hữu của nhà thầu hoặc có thể đi thuê nhưng nhà thầu phải chứng minh khả năng huy động để đáp ứng yêu cầu của gói thầu. Trường hợp đi thuê thì phải có hợp đồng thuê thiết bị và tài liệu chứng minh thiết bị thuộc sở hữu của bên cho thuê. Nhà thầu phải kê khai theo mẫu dưới đây đối với mỗi loại thiết bị:

Loại thiết bị		
Thông tin thiết bị	Tên nhà sản xuất	Đời máy (model)
	Công suất	Năm sản xuất
	Tính năng	Xuất xứ
Hiện trạng	Địa điểm hiện tại của thiết bị	
	Thông tin về tình hình huy động, sử dụng thiết bị hiện tại	
Nguồn	Nêu rõ nguồn thiết bị <input type="checkbox"/> Sở hữu của nhà thầu <input type="checkbox"/> Đi thuê <input type="checkbox"/> Cho thuê <input type="checkbox"/> Chế tạo đặc biệt	

Đối với các thiết bị không thuộc sở hữu của mình thì nhà thầu phải kê khai thêm các thông tin dưới đây:

Chủ sở hữu	Tên chủ sở hữu	
	Địa chỉ chủ sở hữu	
	Số điện thoại	Tên và chức danh
	Số fax	Telex
Thỏa thuận	Thông tin chi tiết về thỏa thuận thuê/cho thuê/chế tạo thiết bị cụ thể cho dự án	

Phần 2. YÊU CẦU VỀ PHẠM VI CÔNG VIỆC
Chương V. YÊU CẦU VỀ PHẠM VI CÔNG VIỆC

I. Giới thiệu về gói thầu

1. Phạm vi công việc của gói thầu:

Mục tiêu sửa chữa: Khôi phục nguyên trạng cầu trục gầu ngoạm để đạt công suất làm việc của cầu trục đạt năng suất hoạt động 100 tấn/ giờ

Sửa chữa hệ thống thủy lực; sửa chữa cơ cấu khớp cơ khí; hiệu chỉnh áp suất và tốc độ đóng mở gầu ngoạm để công suất làm việc cầu trục đáp ứng công suất xưởng PA; thay thế, lắp đặt và căn chỉnh các má phanh động cơ xe cầu và xe con; phục hồi, sửa chữa bộ bánh răng, nối trục và lỗ lắp vòng bi hộp giảm tốc nâng hạ.

Vật tư má phanh xe cầu và xe con do Công ty cổ phần DAP số 2 – Vinachem cấp. Các vật tư khác phục vụ quá trình thi công do nhà thầu cung cấp.

2. Thời hạn hoàn thành: 60 ngày kể từ ngày bàn giao thiết bị.

II. Yêu cầu về nội dung công việc và tiến độ thực hiện:

1. Nội dung công việc.

Biện pháp xử lý hư hỏng thiết bị bao gồm các nội dung cụ thể như sau:

1.1 Sửa chữa hệ thống thủy lực bao gồm:

- Thay phớt làm kín xilanh.
- Thay bơm thủy lực.
- Thay cút, phụ kiện nối thủy lực và dây tụy ô bị nứt.
- Thay các van chỉnh áp bị mòn.

1.2 Sửa chữa cơ cấu khớp cơ khí gầu ngoạm bao gồm:

- Thay các bạc ắc bị hỏng.
- Phục hồi lại trục ắc bị ăn mòn.

1.3 Hiệu chỉnh áp suất và tốc độ đóng mở gầu ngoạm để công suất làm việc cầu trục đáp ứng công suất xưởng PA .

1.4 Thay thế, lắp đặt và căn chỉnh các má phanh động cơ xe cầu, xe con (vật tư má phanh xe cầu và xe con do Công ty cổ phần DAP số 2 – Vinachem cấp).

1.5 Phục hồi, sửa chữa bộ bánh răng, nối trục và lỗ lắp vòng bi hộp giảm tốc nâng hạ.

2. Khối lượng công việc:

TT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng
1	Sửa chữa hệ thống thủy lực bao gồm: - Thay phớt làm kín xilanh. - Thay bơm thủy lực. - Thay cút, phụ kiện nối thủy lực và dây tụy ô bị nứt. - Thay các van chỉnh áp bị mòn.	Bộ	01
2	Sửa chữa cơ cấu khớp cơ khí gầu ngoạm bao gồm: - Thay các bạc ắc bị hỏng. - Phục hồi lại trục ắc bị ăn mòn.	Bộ	01
3	Hiệu chỉnh áp suất và tốc độ đóng mở gầu ngoạm để công suất làm việc cầu trục đáp ứng công suất xưởng PA	Bộ	01
4	Thay thế, lắp đặt và căn chỉnh các má phanh động cơ xe cầu, xe con.	Bộ	01
5	Phục hồi, sửa chữa bộ bánh răng, nối trục và lỗ lắp vòng bi hộp giảm tốc nâng hạ	Bộ	01

3. Quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn chủ yếu áp dụng:

- Tiêu chuẩn Việt Nam số TCVN 4244:2005 về thiết bị nâng – thiết kế, chế tạo và kiểm tra kỹ thuật.

4. Yêu về công tác an toàn

- Đơn vị thi công phải lập các biện pháp an toàn và biện pháp thi công kèm theo HSDT

5. Yêu cầu về kỹ thuật.

- Công suất cầu trục làm việc cầu trục đáp ứng công suất xưởng PA.
- Không có hiện tượng rò dầu, tiếng kêu lạ tại gầu ngoạm.
- Động cơ điện đóng mở gầu không bị quá dòng.
- phanh xe cầu và xe con hoạt động đều, không có hiện tượng lệch xe khi phanh
- Hộp giảm tốc nâng hạ hoạt động ổn định, không có tiếng kêu lạ, không có hiện tượng rò dầu
- Hệ thống thủy lực làm việc an toàn, thông suốt, điều khiển dễ dàng, nhiệt độ dầu $\leq 65^{\circ}\text{C}$.

6. Yêu cầu về bảo hành công trình:

Có cam kết bảo hành 12 tháng đối với nội dung công việc số 1 và mục 2 trong Bảng tổng hợp giá dự thầu. Các mục còn lại yêu cầu thời gian bảo hành 06 tháng.

7. Yêu cầu về an toàn lao động, vệ sinh môi trường, phòng chống cháy, nổ (nếu có);

Nhà thầu phải thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn cho tất cả các hoạt động tại công trường theo quy định của pháp luật hiện hành. Tuân thủ, phối hợp thực hiện đúng các quy trình đảm bảo công tác vệ sinh MT, phòng chống cháy nổ, an toàn lao động.

8. Biện pháp huy động nhân lực và thiết bị phục vụ thi công;

Nhà thầu chủ động nhân lực, máy móc thiết bị triển khai thi công ngay sau khi ký hợp đồng.

9. Yêu cầu về hệ thống kiểm tra, giám sát chất lượng của nhà thầu;

Nhà thầu thi công chỉ sử dụng nhân sự chủ chốt đã được đăng ký trong hồ sơ dự thầu. Trong trường hợp thay thế phải thông báo và nộp hồ sơ để Chủ đầu tư chấp thuận và yêu cầu nhân sự thay thế phải có trình độ chuyên môn, khả năng kinh nghiệm cần thiết tương đương hoặc tốt hơn.

Nếu thấy nhân sự chủ chốt nào đó không đảm bảo yêu cầu. Chủ đầu tư sẽ đề nghị Nhà thầu thi công thay thế. Nhân sự phải thay thế cần nhanh chóng rời khỏi công trường và không được liên quan tới các công việc tại công trường.

Phần 3. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG
Chương VI. ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG

	A. Các quy định chung
1. Định nghĩa	<p>Trong hợp đồng này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p> <p>1.1 “Bảng kê các hạng mục” là bảng liệt kê các hạng mục công việc thuộc gói thầu bao gồm thi công, lắp đặt, thử nghiệm và nghiệm thu công trình. Nội dung của Bảng kê các hạng mục bao gồm giá trọn gói cho mỗi hạng mục, làm cơ sở thanh toán, quyết toán, bồi thường, phạt vi phạm hợp đồng;</p> <p>1.2 “Bất khả kháng” là những sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát và khả năng lường trước của các bên, chẳng hạn như: chiến tranh, bạo loạn, đình công, hỏa hoạn, thiên tai, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch;</p> <p>1.3 “Giá hợp đồng” là tổng số tiền ghi trong hợp đồng cho việc thực hiện và hoàn thành công trình.</p> <p>1.4 “Vật tư” là tất cả những thứ được cung cấp, kể cả các vật tư tiêu hao cho Nhà thầu sử dụng trong công trình.</p>
2. Thứ tự ưu tiên	<p>Các tài liệu cấu thành Hợp đồng được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên sau đây:</p> <p>2.1 Hợp đồng, phụ lục hợp đồng;</p> <p>2.2 Hồ sơ mời thầu;</p> <p>2.3 HSDT;</p> <p>2.4 Các tài liệu khác ký cấp thẩm quyền A-B.</p>
3. Luật và ngôn ngữ	Luật điều chỉnh hợp đồng là luật Việt Nam, ngôn ngữ của hợp đồng là tiếng Việt.
4. Bảo đảm thực hiện hợp đồng	Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải được nộp đến Chủ đầu tư trong vòng 3 ngày làm việc kể từ ngày ký Hợp đồng
5. An toàn, phòng chống cháy nổ và vệ sinh môi trường	Nhà thầu phải thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn, phòng chống cháy nổ và vệ sinh môi trường cho tất cả các hoạt động tại Công trường.
6. Nhà thầu phụ	Nhà thầu không được ký kết hợp đồng với các nhà thầu phụ.
7. Nhân sự và Thiết bị	Nhà thầu thực hiện theo đúng HSDT Khi đến công trường phải có văn bản đăng ký làm việc cho nhân sự và thiết bị thi công.
8. Bất khả kháng	Theo luật đã quy định
9. An toàn	Nhà thầu phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về an toàn của tất cả các hoạt động tại công trường.
10. Giải quyết tranh chấp	Trường hợp hai bên không đàm phán được, sẽ lấy phán quyết của Tòa án tỉnh Lào Cai làm căn cứ thực hiện.
	B. Quản lý thời gian
11. Ngày khởi công và ngày hoàn thành dự	Bên mời thầu có thể điều chỉnh thời gian thi công sửa chữa để không làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất của Nhà máy.

kiến	
	C. Quản lý chất lượng
12.Kiểm tra chất lượng vật tư	Các vật tư chính phục vụ trong phạm vi công việc phải được cung cấp hồ sơ chứng từ và được nghiệm thu trước khi đưa vào sửa chữa.
13.Thử nghiệm	Công suất hoạt động: Đáp ứng công suất xưởng PA.
14.Bảo hành	Nhà thầu phải tiến hành sửa chữa sai sót đó trong vòng 48 giờ mà Chủ đầu tư đã thông báo. Thời gian bảo hành đã quy định phần yêu cầu kỹ thuật.
	D. Quản lý chi phí
15.Loại hợp đồng	Loại hợp đồng: Trọn gói
16.Giá hợp đồng và bảng giá hợp đồng	Trọn gói (đã bao gồm thuế VAT)
17.Tạm ứng	Không tạm ứng.
18.Thanh toán	Thanh toán 2 lần: Lần 1: 90% trong vòng 30 ngày kể từ ngày bên A nhận được toàn bộ chứng từ thanh toán Lần 2: 10% sau khi hết thời gian bảo hành và quyết toán vốn gói thầu.
19.Phạt vi phạm và thưởng hợp đồng	Phạt tiền độ 0,5% ngày chậm trễ; không quá 8% theo quy định.
	E. Kết thúc hợp đồng
20.Nghiệm thu	Chủ đầu tư tổ chức nghiệm thu theo quy định của pháp luật xây dựng chuyên ngành hiện hành. Biên bản nghiệm thu phải được đại diện Chủ đầu tư, Nhà thầu ký xác nhận.
21.Hoàn thành	Nhà thầu phải yêu cầu Chủ đầu tư cấp Giấy chứng nhận hoàn thành công trình và Chủ đầu tư sẽ cấp Giấy chứng nhận sau khi xác định Công trình đã được hoàn thành.
22.Bàn giao	Chủ đầu tư cần tiếp nhận công trường và công trình theo thời gian được quy định tại ĐKCT kể từ khi Nhà thầu được cấp Biên bản nghiệm thu công trình.

Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

A. Các quy định chung	
ĐKC 1.4	Chủ đầu tư là: CÔNG TY CỔ PHẦN DAP SỐ 2 – VINACHEM Địa chỉ: KCN Tăng Loỏng, TT Tăng Loỏng, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai. Tài khoản: 1003880721 tại Ngân hàng SHB, chi nhánh Lào Cai. Mã số thuế: 5300 265 969 Điện thoại: (84-02143)767048 Fax:(84-02143)767 047
ĐKC 1.6	Công trình: Sửa chữa cầu trục gầu ngoạm 21HT101A xưởng PA, Công ty cổ phần DAP số 2 - Vinachem.
ĐKC 1.8	Địa điểm: Công trường tại Xưởng PA, Công ty cổ phần DAP số 2 – Vianchem hoặc xưởng sửa chữa của nhà thầu.
ĐKC 1.13	Ngày hoàn thành dự kiến cho toàn bộ Công trình là 60 ngày.
ĐKC 5	Hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng: Nhà thầu cung cấp một bảo đảm thực hiện hợp đồng theo hình thức thư bảo lãnh do Ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành với số tiền tương ứng 2% giá trị Hợp đồng. Thời gian hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng là: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến ngày bàn giao + 10 ngày.
B. Quản lý thời gian	
ĐKC 24.3	Các trường hợp khác: <i>[ghi các trường hợp gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng khác (nếu có)].</i>
C. Quản lý chất lượng	
ĐKC 27.2	Vật tư, máy móc, thiết bị: <i>[ghi tên, chủng loại vật tư, máy móc, thiết bị cần yêu cầu Nhà thầu cung cấp mẫu, kết quả kiểm nghiệm (nếu có)].</i>
D. Quản lý chi phí	
ĐKC 34.1	Giá hợp đồng: <i>[ghi giá hợp đồng theo giá trị nêu trong Thư chấp thuận HSDT và trao hợp đồng].</i>
ĐKC 36.1	Phương thức thanh toán: <i>chuyển khoản.</i>
ĐKC 37	Thuế: Theo chính sách hiện hành.
ĐKC 38.1	Phần tiền giữ lại từ số tiền thanh toán là: 10% tổng giá trị gói thầu. Trong đó 5% giữ lại trong thời gian bảo hành và 5% trong khi quyết toán.
E. Kết thúc hợp đồng	
ĐKC 46	Thời gian bàn giao công trình: <i>[ghi thời gian bàn giao công trình].</i>
ĐKC 47.2	Số tiền giữ lại: <i>Chờ bảo hành và quyết toán</i>

Chương VIII. BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Mẫu số 14

HỢP ĐỒNG⁽¹⁾

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Hợp đồng số: _____

Gói thầu: _____ [ghi tên gói thầu]

Thuộc dự án: _____ [ghi tên dự án]

*Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 33/2005/QH11 ngày 14/6/2005 của Quốc hội;
Căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013 của Quốc hội;
Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 của Quốc hội;
Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết
thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;*

Căn cứ⁽²⁾ _____

*Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của ____ về việc phê duyệt
kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu ____ [Ghi tên gói thầu] và thông báo trúng thầu số ____
ngày ____ tháng ____ năm ____ của Bên mời thầu;*

*Căn cứ văn bản số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của ____ về việc thông báo
chấp thuận hồ sơ dự thầu và trao hợp đồng,*

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

Chủ đầu tư (sau đây gọi là Bên A)

Tên Chủ đầu tư: [ghi tên Chủ đầu tư]

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:

Tài khoản:

Mã số thuế:

Đại diện là: Chức vụ:

Nhà thầu⁽³⁾ (sau đây gọi là Bên B)

Tên Chủ đầu tư: [ghi tên Chủ đầu tư]

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:

Tài khoản:

Mã số thuế:

Đại diện là: Chức vụ:

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng với các nội dung sau:

Điều 1. Đối tượng hợp đồng

Bên A giao cho bên B thực hiện việc thi công sửa chữa và lắp đặt thiết bị theo yêu cầu.

Điều 2. Thành phần hợp đồng

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Hợp đồng;
2. Phụ lục Hợp đồng
3. Hồ sơ mời thầu
4. HSDT của Nhà thầu;
5. Biên bản làm việc A-B

Điều 3. Trách nhiệm của Nhà thầu

Nhà thầu cam kết thi công công trình theo thiết kế đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong điều kiện chung và điều kiện cụ thể của hợp đồng.

Điều 4. Trách nhiệm của Chủ đầu tư

Chủ đầu tư cam kết thanh toán cho Nhà thầu theo giá hợp đồng và phương thức thanh toán quy định tại Điều 5 của Hợp đồng này cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định trong điều kiện chung và điều kiện cụ thể của hợp đồng.

Điều 5. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán

1. Giá hợp đồng: _____ [*ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền ký hợp đồng*].

2. Phương thức thanh toán: Thanh toán theo phương thức nêu trong điều kiện cụ thể của hợp đồng theo quy định tại Mục 36.1 ĐKCT.

Điều 6. Loại hợp đồng: Trọn gói

Điều 7. Thời gian thực hiện hợp đồng: _____

[*ghi thời gian thực hiện hợp đồng phù hợp với Mục CDNT 1.3 BDL, HSDT và kết quả thương thảo, hoàn thiện hợp đồng giữa hai bên*].

Điều 8. Hiệu lực hợp đồng

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ _____ [*ghi cụ thể ngày có hiệu lực của hợp đồng*].

2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng được lập thành _____ bộ, Chủ đầu tư giữ _____ bộ, Nhà thầu giữ _____ bộ, các bộ hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NHÀ THẦU⁽⁴⁾

[*ghi tên, chức danh, ký tên và
đóng dấu*]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CHỦ ĐẦU TƯ

[*ghi tên, chức danh, ký tên và
đóng dấu*]

Ghi chú:

(1) Căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu, nội dung hợp đồng theo mẫu này có thể được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

(2) Cập nhật các văn bản hiện hành liên quan đến hợp đồng.

BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG⁽¹⁾

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: _____ [ghi tên Chủ đầu tư]
(sau đây gọi là Chủ đầu tư)

Theo đề nghị của _____ [ghi tên Nhà thầu] (sau đây gọi là Nhà thầu) là Nhà thầu đã trúng thầu gói thầu _____ [ghi tên gói thầu] và cam kết sẽ ký kết hợp đồng cho gói thầu trên (sau đây gọi là hợp đồng); ⁽²⁾

Theo quy định trong HSMT (hoặc hợp đồng), Nhà thầu phải nộp cho Chủ đầu tư bảo lãnh của một ngân hàng với một khoản tiền xác định để bảo đảm nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, _____ [ghi tên của ngân hàng] ở _____ [ghi tên quốc gia hoặc vùng lãnh thổ] có trụ sở đăng ký tại _____ [ghi địa chỉ của ngân hàng⁽³⁾] (sau đây gọi là “Ngân hàng”), xin cam kết bảo lãnh cho việc thực hiện hợp đồng của Nhà thầu với số tiền là _____ [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng như yêu cầu quy định tại Mục 5 ĐKCT]. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho Chủ đầu tư bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn _____ [ghi số tiền bảo lãnh] như đã nêu trên, khi có văn bản của Chủ đầu tư thông báo Nhà thầu vi phạm hợp đồng trong thời hạn hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến hết ngày ____ tháng ____ năm ____.⁽⁴⁾

Đại diện hợp pháp của ngân hàng
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Chỉ áp dụng trong trường hợp biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng là thư bảo lãnh của ngân hàng hoặc tổ chức tài chính

(2) Nếu ngân hàng bảo lãnh yêu cầu phải có hợp đồng đã ký mới cấp giấy bảo lãnh thì Bên mời thầu sẽ báo cáo Chủ đầu tư xem xét, quyết định. Trong trường hợp này, đoạn trên có thể sửa lại như sau:

“Theo đề nghị của _____ [ghi tên Nhà thầu] (sau đây gọi là Nhà thầu) là Nhà thầu trúng thầu gói thầu _____ [ghi tên gói thầu] đã ký hợp đồng số [ghi số hợp đồng] ngày ____ tháng ____ năm ____ (sau đây gọi là Hợp đồng).”

(3) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(4) Ghi thời hạn phù hợp với yêu cầu quy định tại Mục 5 ĐKCT.

DAP2



DAP No.2 - VINACHEM J.S. Co.
CÔNG TY CỔ PHẦN DAP SỐ 2 - VINACHEM

DATA SHEET FOR BRIDGE CRANE

BẢNG DỮ LIỆU CHO CẦU TRỤC

PROJECT DOCUMENT NO. VD116-21HT101A/B-PDS-001

SỐ TÀI LIỆU VD116-21HT101A/B-PDS-001

DAP No.2-VINACHEM PROJECT

DỰ ÁN DAP SỐ 2-VINACHEM

TVC JOB NO. VD-116
SỐ DỰ ÁN TVC. VD-116

FOR FINAL

Total (Including this Page)/ Tổng cộng (Bao gồm cả trang này) : 5 sheets/ trang

			<i>Thien.nd/Wachanon.T</i>	<i>Kridsada.R</i>	<i>Napat</i>	<i>Manaspong.P</i>
1	28-Aug-13	For Final	Thien.nd/ Wachanon.T	Kridsada.R	Napat.J	Manaspong.P
0	25-Jan-13	For Review	<==== Original Sign =====>			
REV. LSD	DATE NGAY	DESCRIPTION MÔ TẢ	MADE TẠO BỞI	CHECKED KIỂM TRA	APPR'D PHE DUYỆT	AUTH'D CHẤP THUẬN

For Project Use only/ Dành cho Project

Originator B/p phát hành	Distribution Phân bố	Owner CĐT	PR	CV	EE	IN	PP	MA	ME	QC	Proc	Proj	Site	Total
MA	No. of Copy Số lượng bản sao	Org. +5	1	-	1	1	1	1	1	-	-	1	-	12



CÔNG TY TNHH TOYO - VIỆT NAM
TOYO-VIETNAM CORPORATION LTD.

53
C
D
V
I
N
T
H



1	CUSTOMER:	DAP No.2-VINACHEM J.S.Co	REV.	DATE	A/E	SUB LEAD	LEAD	DDM	MGR	PEM	PM.
2	PROJECT NAME	DAP No.2-VINACHEM PROJECT	0	04-Jan-13							
3	LOCATION	TANG LONG-LAO CAI, VIETNAM	1	8-Aug-13	N.D.Thien	T.Wachanon	R.Kridasada	-	Napat	B.Sutita	P.Minasphong
4	SUPPLIER:	AVC	JOB NO.:	VD-116							
5	ITEM NO.:	21-HT101A/B	REQN NO.:	F032-1500-R101							
6	SERVICE :	BRIDGE CRANE									
7	NO. REQD :	(WORKING 2 STAND-BY - WH SPARE - TOTAL 2)									

OPERATING CONDITION		
9	OPERATING CONCEPT OF BRIDGE CRANE USE FOR TRANSFER RAW MATERIAL (DRY APATITE) 100 TON/HR TO HOPPER AND OPERATE 24 HR/DAY	CAPACITY (NOR) : - (kg) DESIGN : 16,000 (kg)
10	MATERIAL TO BE HANDLED : DRY APATITE (Note 1)	SPAN (MAX) : 24 (m)
11	WEIGHT : 100 (ton/hr)	LIFTING HEIGHT (UNDER HOOK) : 15.28 (m)
12	WEIGHT : 9.2 (ton/cycle)	LENGTH OF TRAVERSING : 21.4 (m)
13	TEMP. : AMBIENT TEMPERATURE	LENGTH OF LONG TRAVELING : 60 (m)
14	APPLICATION FOR : <input type="checkbox"/> MAINTENANCE <input checked="" type="checkbox"/> PRODUCTION LINE SHOP	LIFTING SPEED (SLOW / FAST) : 1.3/8 (m/min)
15	<input type="checkbox"/> INSTALLATION WORK	TRAVERSING SPEED (SLOW / FAST) : 7.5/30 (m/min)
16		LONG TRAVELING SPEED (SLOW /MEDIUM/ FAST) : 15/30/60 (m/min)

CONSTRUCTION		
18	HOIST MFR. : ABUS MODEL: GM 7900.16400 U-324.41.15900 I.D.204.32	OPERATION OF OPERATION : 12.4 (times/hrs)
19	HOIST TYPE : <input type="checkbox"/> CHAIN <input checked="" type="checkbox"/> WIRE ROPE	LOAD DISTRIBUTION :
20	TRAVELING TYPE : <input type="checkbox"/> STATIONARY <input type="checkbox"/> DOUBLE RAIL	HEAVY LOAD APPROX. : N/A (%)
21	<input type="checkbox"/> MONORAIL <input type="checkbox"/> LOW HEAD <input checked="" type="checkbox"/> OVERHEAD CRANE	MIDDLE LOAD APPROX. : N/A (%)
22	TRAVELING RAIL SIZE : P30 (mm)	LIGHT LOAD APPROX. : N/A (%)
23	MIN. TURNING RADIUS : N/A (m)	MAX. DISTANCE BETWEEN SUPPORT: N/A (m)
24	MAX. ALLOWABLE DEFLECTION : L/1600	INSTALLATION : <input type="checkbox"/> OUTDOOR <input checked="" type="checkbox"/> INDOOR
25	HOOK TYPE : SINGLE HOOK WITH SAFETY LATCH	AMBIENT TEMP. (DES) : 40 (°C)
26	HOOK BLOCK TYPE : <input type="checkbox"/> SINGLE <input checked="" type="checkbox"/> DOUBLE	CORROSION DUE TO : NA
27	HOIST GROUP : FEM 4m	HAZARDOUS AREA CLASS : NON HAZARDOUS
28	REEVING ARRANGEMENT : 4/1	CODE & STANDARD : MANUFACTURER STANDARD
29	DRIVING METHOD OF HOISTING : <input type="checkbox"/> CHAIN DRIVE	AMBIENT TEMPERATURE :
30	<input checked="" type="checkbox"/> ELECTRIC MOTOR <input type="checkbox"/> PNEUMATIC	MINIMUM / MAXIMUM : (AVG) 2 / 43 (°C)
31	DRIVING METHOD OF TRAVELING :	RELATIVE HUMIDITY
32	<input type="checkbox"/> MANUAL <input type="checkbox"/> CHAIN DRIVE	ANNAL AVERAGE: 82-86 %
33	<input checked="" type="checkbox"/> ELECTRIC MOTOR <input type="checkbox"/> PNEUMATIC	

MATERIAL		
34	POWER FEEDING METHOD :	
35	<input checked="" type="checkbox"/> CABTYRE WITH TROLLEY	CHAIN : N/A
36	<input type="checkbox"/> ENCLOSED CONDUCTOR RAIL	ROPE : GALVANIZED
37	<input type="checkbox"/> BUSBAR	ROPE DRUM : HIGH TENSILE STEEL S355
38	CONTROL SYSTEM : <input type="checkbox"/> FIXED <input type="checkbox"/> SUSPEND PENDANT	WHEELS : SPHEROIDAL GRAPHITE IRON CASTING GGG 60
39	<input type="checkbox"/> MOBILE PENDENT <input checked="" type="checkbox"/> CABIN <input type="checkbox"/> WIRELESS	HOIST FRAME : CARBON STEEL S235
40	CONTROL TYPE :	GEAR UNIT : ALUMINIUM ALLOY
41	<input type="checkbox"/> PUSH BUTTON <input checked="" type="checkbox"/> JOYSTICK	BRAKE UNIT : NON-ASBESTOS
42	CONTROL VOLTAGE : 48 (Volts)	CLAM SHELL : Q345B STEEL

ACCESSORIES		
44	HOIST : <input type="checkbox"/> CONICAL <input checked="" type="checkbox"/> DISC.	<input checked="" type="checkbox"/> THERMISTER <input checked="" type="checkbox"/> BRAKE
45	TRAVERSE : <input type="checkbox"/> CONICAL <input checked="" type="checkbox"/> DISC.	<input checked="" type="checkbox"/> OVERLOAD PROTECTION <input checked="" type="checkbox"/> ABSORBING RUBBER BUFFER AT END CARRIAGE
46	BRAKE CURRENT : <input type="checkbox"/> AC <input checked="" type="checkbox"/> DC.	<input checked="" type="checkbox"/> NAME PLATE <input checked="" type="checkbox"/> END STOPER
47	CLAM SHELL CAPACITY : 4 (m ³)	<input checked="" type="checkbox"/> HOIST LIMIT SWITCH <input checked="" type="checkbox"/> CONTROL CABIN
48	CONTROL: <input checked="" type="checkbox"/> HYDROLIC CONTROL <input type="checkbox"/> WIRE ROPE CONTROL	<input checked="" type="checkbox"/> TRAVERSING LIMIT SWITCH <input checked="" type="checkbox"/> CLAM SHELL
49	CLAM SHELL DIMENSION : 3100x2905x1980 (mm)	<input checked="" type="checkbox"/> WARNING LIGHT & SOUND <input checked="" type="checkbox"/> ANTI-COLLISION DEVICE FOR PAIN OF CRANE
50	WEIGHT	<input checked="" type="checkbox"/> MAIN CIRCUIT BREAKER WITH ENCLOSURE OPERATION SAME RUNWAY
51	HOIST & TROLLEY UNIT : 4000 (kg)	<input checked="" type="checkbox"/> SUPPORT FOR POWER SUPPLY
52	ENDCARRIAGES UNIT : 3000 (kg)	<input checked="" type="checkbox"/> EMERGENCY STOP ON MOBILE CONTROL CABIN
53	CLAM SHELL : 5500 (kg)	

MOTOR				
	HOISTING	TRAVERSING	TRAVELING	CLAM SHELL
54	TYPE	TEFC	TEFC	TEFC
55	POWER CONSUMPTION (kw)	4/25.2	(0.18 / 0.8)x2	7.5x4
56	PHASE /CYCLE /VOLTAGE	3 / 50 Hz / 380	3 / 50 Hz / 380	3 / 50 Hz / 380
57	RATING	60% ED	50% ED	100% ED
58	ISULATION/TEMP.RJSE		F / B	
59	ENCLOSURE		IP 55	
60	EXP.PROOF CLASS		NON HAZARDOUS	

61 Note:

62 1 Product Name: Dry Apatite / Particle Size: 0.074 mm. / Moisture: 18-22% / Density: 2300 kg/m3.

63 2 Product Handling Capacity: (100 Ton/hr).

64 3 Operating 24 hr/day.

65 4 Detail: Bridge Crane at Apatite Storage as Attachment-A



1	CUSTOMER:	DAP No.2-VINACHEM J.S.Co	REV.	DATE	A/E	SUB LEAD	LEAD	DDM	MGR	PEM	PM.
2	PROJECT NAME	DAP No.2-VINACHEM PROJECT	0	04-Jan-13	Original Sign						
3	LOCATION	TANG LONG-LAO CAI, VIETNAM	1	8-Aug-13	N.D.Thien	T.Wachanon	R.Kridsada	-	Napat	B.Sutita	P.Manasphong
4	SUPPLIER:	JOB NO.: VD-116	2								
5	ITEM NO. :	21-HT101A/B	REQN NO. :	F032-1500-R101	3						
6	SERVICE :	BRIDGE CRANE	4								
7	NO. REQD :	(WORKING 2 STAND-BY - WH SPARE - TOTAL 2)	5								

OPERATING CONDITION

9	CRANE TYPE :	<input type="checkbox"/> FIXED	<input type="checkbox"/> MONORAIL	<input type="checkbox"/> SLEWING	<input type="checkbox"/> GANTRY	
10		<input type="checkbox"/> WALL TRAVELING	<input checked="" type="checkbox"/> OVERHEAD TRAVELING	<input type="checkbox"/> SUSPENSION TRAVELING		
11	DRIVING LONG TRAVELING :	<input type="checkbox"/> MANUAL	<input type="checkbox"/> CHAIN	<input checked="" type="checkbox"/> ELECTRICAL	<input type="checkbox"/> PNEUMATIC	
12	TURNING :	NA	<input type="checkbox"/> MANUAL	<input type="checkbox"/> CHAIN	<input type="checkbox"/> ELECTRICAL	<input type="checkbox"/> PNEUMATIC
13	SOURCE SUPPLY :	380V/3 Phase/50 Hz				
14	POWER FEEDING SYSTEM :	LONG TRAVELING :	<input checked="" type="checkbox"/> CABTYRE	<input type="checkbox"/> ENCLOSED CONDUCTOR	<input type="checkbox"/> BUSBAR	
15		NA TURNING :	<input type="checkbox"/> CABTYRE	<input type="checkbox"/> ENCLOSED CONDUCTOR	<input type="checkbox"/> BUSBAR	
16	BRAKING :	END CARRIAGE :	<input type="checkbox"/> CONICAL	<input checked="" type="checkbox"/> DISC.		
17		TOP CARRIAGE (FOR WALL TRAVELING) :	<input type="checkbox"/> CONICAL	<input checked="" type="checkbox"/> DISC.		
18		TURNING :	NA	<input type="checkbox"/> CONICAL	<input type="checkbox"/> DISC.	
19	BRAKING CURRENT :	<input type="checkbox"/> AC	<input checked="" type="checkbox"/> DC			

SLEWING		OVERHEAD / SUSPENSION / WALL / GANTRY			
22	SHAPE :	<input type="checkbox"/> JIB	<input type="checkbox"/> CRANE	HOIST ARRANGEMENT ON GIRDER :	
23	TYPE :	<input type="checkbox"/> PILLAR	<input type="checkbox"/> WALL MOUNTED	<input checked="" type="checkbox"/> TOP RUN	<input type="checkbox"/> SUSPENSION
24	TURNING ANGLE :	GIRDER TYPE :			
25		GIRDER SECTION :		<input type="checkbox"/> SINGLE	<input checked="" type="checkbox"/> DOUBLE
26	GEAR UNIT :	ALUMINIUM ALLOY		<input checked="" type="checkbox"/> BOX	
27	BREAK UNIT :	NON-ASBESTOS		GIRDER SIZE :	W = 495 mm x H = 1400 mm
28	WHEEL :	SPHEROIDAL GRAPHITE IRON CASTIN GGGG60		MAX. ALLOW. DEFLECTION :	L/1600
29	RAIL / GIRDER :	CARBON STEEL SS400		GIRDER ARRANGEMENT ON END CARRIAGE (SADDLE)	
30	END CARRIAGE :	CARBON STEEL SS400		<input checked="" type="checkbox"/> TOP RUN	<input type="checkbox"/> SUSPENSION (LOW HEAD TYPE
31	TOP CARRIAGE (FOR WALL TRAVELING) :	CARBON STEEL SS400		& GEARED TROLLEY)	
32		END CARRIAGE WHEEL DIA. :		600	(mm.)
33		LOAD / WHEEL :		14,500	(kg.)
34		WHEEL BASE :		3,600	(mm.)
35		END CARRIAGE GROUP :		4m	
36		TRAVELING RAIL SIZE :		P30	
37		RUNWAY BEAM SIZE :		1 666x(285x12/200x8)	
38		MAX. ALLOW. DEFLECTION :		L/1000	
39		MAX. DISTANCE BETWEEN SUPPORT :		7	(m.)

WEIGHT		FOR WALL TRAVELING ONLY						
44	GIRDER :	15500	kg	CARRIAGE :	3000	kg	HEIGHT OF WALL :	-
45	RAIL :	2928	kg	RUNWAY :	12100	kg	TOP WHEEL DIA. :	-
46	GANTRY STRUCTURE :	N/A		kg	LOAD / WHEEL :	-	WHEEL BASE :	-

ACCESSORIES		FOR GANTRY ONLY			
49	<input checked="" type="checkbox"/> END STOPPER	TYPE :		<input type="checkbox"/> SEMI	<input type="checkbox"/> COMPLETE
50	<input checked="" type="checkbox"/> LIMIT SWITCH	OVERALL HEIGHT :			

REMARKS

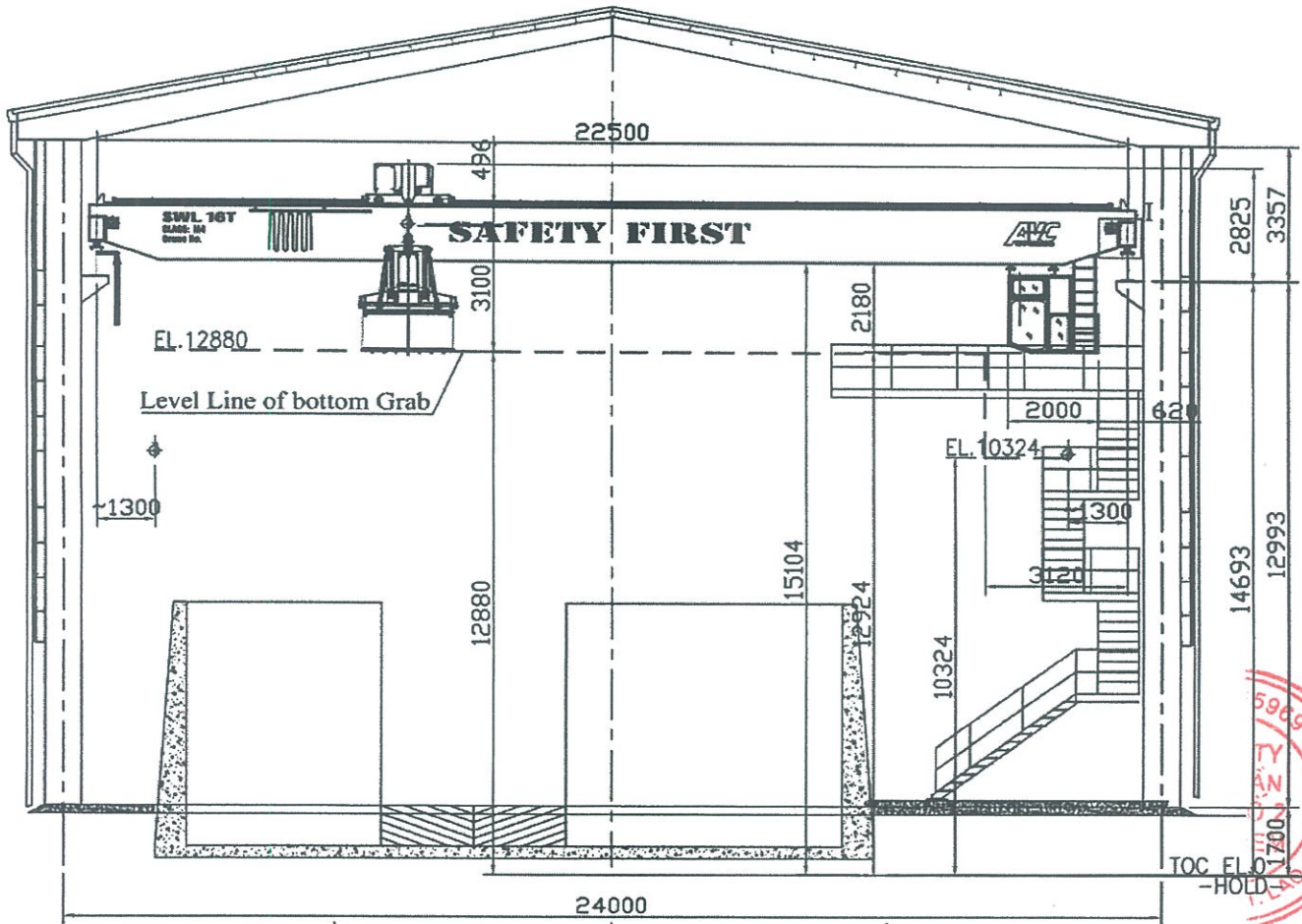
Note:

- Product Name: Dry Apatite / Particle Size: 0.074 mm. / Moisture: 18-22%
- Product Handling Capacity: (100 Ton/hr).
- Operating 24 hr/day.
- Detail: Bridge Crane at Apatite Storage as Attachment-A



1	CUSTOMER:	DAP No.2-VINACHEM J.S.Co	REV.	DATE	A/E	SUB LEAD	LEAD	DDM	MGR	PEM	PM.
2	PROJECT NAME	DAP No.2-VINACHEM PROJECT	0	04-Jan-13							
3	LOCATION	TANG LONG-LAO CAI, VIETNAM	1	8-Aug-13	N.D.Thien	T.Wachanon	R.Kridtsada		Napat	B.Sutita	P.Manasphong
4	SUPPLIER:	JOB NO.: VD-116	2								
5	ITEM NO. :	21-HT101A/B	REQ'N NO. :	F032-1500-R101	3						
6	SERVICE :	BRIDGE CRANE	4								
7	NO. REQD :	(WORKING 2 STAND-BY - WH SPARE - TOTAL 2)	5								

ATTACHMENT-A



REMARKS

Note:

- 1 Product Name: Dry Apatite / Particle Size: 0.074 mm. / Moisture: 18-22% / Density: 2300 kg/m3.
- 2 Product Handling Capacity: (100 Ton/hr).
- 3 Operating 24 hr/day.
- 4 Detail: Bridge Crane at Apatite Storage as Attachment-A